



BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG TUẦN

28/07/2025 – 01/08/2025

Khối Nghiên cứu



MBS Head Office
MB Building, 21 Cat Linh, Dong Da, Hanoi, Vietnam
Tel: +84 24 7304 5688 Fax: +84 24 3726 2601
Web: www.mbs.com.vn

Kịch bản nào cho tuần lịch sử đối với chỉ số Vn-Index

- Chứng khoán Mỹ lập thêm kỷ lục mới nhờ kết quả kinh doanh khả quan của các công ty niêm yết và những diễn biến mới nhất về thương mại. Tuần vừa qua, cả 3 chỉ số chính đều tăng mạnh với: Dow Jones tăng khoảng 1,3% trong tuần, còn Nasdaq tăng 1,1% và S&P 500 tăng 1,5%. Phiên cuối tuần trước cũng đánh dấu phiên tăng thứ 5 liên tiếp của S&P 500, kể từ khi chỉ số lần đầu tiên đóng cửa trên mốc 6.300 điểm vào hôm thứ Hai. Về phần mình, Nasdaq đã có 4 phiên đóng cửa ở mức cao kỷ lục trong tuần, lần đầu vượt mốc 21.000 điểm vào hôm thứ Tư. Theo dữ liệu từ FactSet, trong số 169 công ty thành viên S&P 500 đã công bố báo cáo tài chính tính đến thời điểm hiện tại, hơn 82% đưa ra kết quả tốt hơn dự báo. Ngoài các báo cáo tài chính mang tới tin vui, các thỏa thuận thương mại mà Mỹ đạt được trong tuần cũng giữ một vai trò quan trọng đưa thị trường lên cao. Đầu tuần, Tổng thống Donald Trump công bố đạt thỏa thuận thương mại với Nhật Bản, trong đó mức thuế đối ứng mà Mỹ dự kiến áp lên hàng hóa Nhật là 15%, giảm từ mức 25% trước đó. Ngày thứ Sáu, ông Trump cho biết sẽ có thêm những thỏa thuận mới được hoàn tất trước thời hạn 1/8, trong đó có thể bao gồm một thỏa thuận giữa Mỹ với Liên minh châu Âu (EU).
- Tuần này sẽ là tuần bận rộn đối với chứng khoán Mỹ với hơn 150 công ty thành viên S&P 500 dự kiến sẽ công bố báo cáo, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) sẽ có cuộc họp chính sách tiền tệ định kỳ vào ngày thứ Ba và thứ Tư, báo cáo lạm phát PCE vào thứ 5, báo cáo việc làm và Trump áp thuế vào thứ 6 (hạn chót 1/8).
- Đối với thị trường trong nước: Chỉ số Vn-Index chốt tuần ở ngưỡng 1.531,13 điểm, tăng +33,85 điểm, tương đương tăng +2,26% so với tuần trước, đánh dấu tuần tăng thứ 6 liên tiếp, hiện chỉ số này chỉ còn cách mức cao lịch sử 5 điểm. Nhóm cổ phiếu Midcap và Smallcap tăng lần lượt +6,95% và +2,11%, bên cạnh nhóm Bluechips, với VN30 lập đỉnh cao mới và tăng + 1,55%. Một số nhóm cổ phiếu có mức tăng mạnh hơn thị trường như: Chứng khoán (+7,96%), Hàng không (+7,82%), BĐS KCN (+6,37%), Đầu tư công (+6,32%), ... ở chiều ngược lại, nhóm cổ phiếu đi ngược thị trường là Vingroup (-3,99%). Thanh khoản toàn thị trường tuần vừa qua đạt 40.498 tỷ đồng, tăng +4,4% so với tuần trước đó, trong đó thanh khoản khớp lệnh cũng tăng +6,7% lên 37.856 tỷ đồng. Theo thống kê, thanh khoản kể từ đầu tháng 7 tăng +84% vsck và tăng + 52% so với tháng 6, đạt 35.678 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm, thanh khoản toàn thị trường đạt 23.170 tỷ đồng, tăng +10% so với mức bình quân năm 2024 nhưng giảm 3% so với cùng kỳ.
- Khối ngoại bán ròng -1.934 tỷ đồng, đánh dấu tuần bán ròng đầu tiên sau 3 tuần mua ròng liên tiếp. Kể từ phiên quay lại mua ròng (2/7), khối ngoại đã mua ròng tổng cộng gần 11.296 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm trên toàn thị trường, khối ngoại bán ròng -32.585 tỷ đồng. Tuần vừa qua khối ngoại mua ròng đối với VPB (+683 tỷ đồng), SSI (+660 tỷ đồng), MSN (+526 tỷ đồng), DXG (+370 tỷ đồng), trong khi bán ròng VJC (-1.714 tỷ đồng), HPG (-890 tỷ đồng), FPT (-501 tỷ đồng), ... trong vòng 1 tháng trở lại đây, khối ngoại đã mua ròng: SSI (+3.772 tỷ đồng), VPB (+1.884 tỷ đồng), SHB (+892 tỷ đồng), trong khi bán ròng VJC (-2.032 tỷ đồng), VCB (-397 tỷ đồng), VHM (-384 tỷ đồng), ...

Kịch bản nào cho tuần lịch sử đối với chỉ số Vn-Index

- Độ rộng thị trường cho thấy dòng tiền có sự lan tỏa tích cực, mức tăng mạnh tập trung ở nhóm Midcap. Mức tập trung vốn cùng hiệu suất tăng ở chỉ số tập trung ở các nhóm cổ phiếu như: Ngân hàng, Dầu khí, Thực phẩm, Thủy sản, Logistics, Sản xuất và phân phối điện, Hóa chất, Cao su tự nhiên, Hàng không.
- Về định giá, chỉ số P/E (ttm) của thị trường hiện tại ở mức 15,5 lần, không còn rẻ khi đã tương đương mức bình quân 5 năm (15,5 lần). Mức P/E dự phóng (Forward) hiện tại ở mức 12,4 lần, cao hơn so với bình quân 5 năm (11,9 lần). Tuy vậy, mức định giá hiện tại vẫn thấp hơn so với khi Vn-Index ở vùng 1.500 điểm năm 2021, hệ số P/E (ttm) khi đó ở vùng 20 -21 lần và P/E dự phóng 16 - 17 lần.
- Nhận định thị trường: Chỉ số Vn-Index đã chính thức lập đỉnh cao mới ở ngưỡng 1.531,13 điểm (theo giá đóng cửa), chỉ còn cách mức cao nhất 5 điểm (1.536,45 điểm). Ngoài mức tăng mạnh ở chỉ số (bình quân 2,6%/tuần trong vòng 6 tuần gần đây), thanh khoản thị trường cũng ở mức cao kỷ lục. Tuần vừa qua, khối lượng giao dịch trên sàn HOSE đạt 6,85 tỷ cổ phiếu và trên cả 3 sàn cũng lên tới 8,4 tỷ cổ phiếu được trao tay, đây hiện là mức cao lịch sử. Đối với giá trị giao dịch bình quân trên cả 3 sàn tuần vừa qua cũng đã vượt ngưỡng 40.000 tỷ đồng/phiên, chỉ đứng sau tuần đạt ngưỡng 43.000 tỷ đồng hồi cuối năm 2021 (giai đoạn Covid). Nhịp tăng 6 tuần liên tiếp với cả chỉ số và thanh khoản cùng lập đỉnh lịch sử cho thấy tâm lý nhà đầu tư đang rất lạc quan, thể hiện ở độ rộng thị trường tích cực cùng chỉ số nhanh chóng vượt qua nhiều phiên rung lắc ở vùng đỉnh lịch sử. Tuần này cũng sẽ là tuần lịch sử đối với chỉ số Vn-Index, bất cứ phiên tăng nào cũng đều là mức đỉnh cao mới (theo giá đóng cửa), bên cạnh đó dòng tiền cũng được thể hiện sức mạnh với mức tham chiếu 43.000 tỷ đồng/phiên trên cả 3 sàn. Kỳ vọng của nhà đầu tư cũng như xác suất lập các mức cao mới đối với chỉ số Vn-Index trong tuần này hiện khá cao. Chúng tôi đưa ra kịch bản đối với thị trường trong tuần lịch sử dưới góc nhìn kỹ thuật như sau: Trong kịch bản lạc quan nhất, chỉ số vẫn duy trì mức tăng mạnh (bình quân 2,6%/tuần) kèm thanh khoản cao hơn bình quân tuần trước (40.000 tỷ đồng/phiên trên cả 3 sàn), khi đó xu hướng tăng mở rộng của chỉ số Vn-Index sẽ được củng cố, phía trước đã là “bầu trời”. Trong kịch bản thận trọng, bất kỳ diễn biến giảm tốc của chỉ số Vn-Index trên nền thanh khoản cao, sẽ là tín hiệu nhà đầu tư nên hạ tỷ trọng margin hoặc tỷ trọng danh mục về mức an toàn. Bên cạnh đó, ngoài việc quan sát diễn biến ở cả chỉ số và thanh khoản, nhà đầu tư cũng nên quan sát diễn biến ở các nhóm cổ phiếu mang tính dẫn dắt như: Chứng khoán, Bất động sản, Vingroup, Thép, ... hoạt động chốt lời hoặc suy yếu ở các nhóm dẫn dắt cũng là tín hiệu cảnh báo đối với thị trường trên nền thanh khoản cao trong tuần này. Về góc nhìn định giá, hiện cả chỉ số P/E (TTM) và P/E dự phóng (Forward) đều đã bằng cho đến cao hơn trung bình 5 năm, cho thấy thị trường không còn rẻ. Dù so với mức giá hiện tại (vùng 1.530 điểm) mức P/E hiện tại vẫn thấp hơn khá nhiều (cả P/E (ttm) và P/E (dự phóng), nhưng đó là câu chuyện mang tính dài hạn. Về kỹ thuật: phía trước đã là “bầu trời” đối với chỉ số Vn-Index nên sẽ ít các ngưỡng cản, nếu vượt qua cao nhất từ trước đến nay (1.536,45 điểm), trong ngắn hạn chỉ số có thể hướng tới vùng mục tiêu 1.550 điểm hoặc 1.620 điểm. Vùng hỗ trợ cho thị trường trong kịch bản điều chỉnh ngắn hạn ở vùng 1.500 điểm.
- Chiến lược giao dịch: Chủ động hạ đòn bẩy trong bối cảnh thị trường đang mạnh để được mức giá tốt, đặc biệt khi dòng tiền “nóng” đã có tín hiệu dịch chuyển sang Upcom, có thể là tín hiệu đầu cơ đang ở mức cao trào. Mùa báo cáo bán niên đã bắt đầu, dòng tiền khả năng sẽ phân hóa, quan sát diễn biến ở cổ phiếu có kết quả kinh doanh để chốt lời, nhóm cổ phiếu có vốn hóa trung bình sẽ bứt phá tốt hơn nhóm Bluechips khi chỉ số Vn-Index vượt đỉnh 1.540 điểm.

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI



Diễn biến các chỉ số chứng khoán tuần qua

Index	Last	1 Week	1 Month	YTD	1 Year
Global	941.26	1.4%	2.9%	11.9%	17.2%
Dow Jones	44,901.92	1.3%	2.5%	5.5%	10.6%
S&P 500	6,388.64	1.5%	3.5%	8.6%	17.0%
Europe	549.95	0.5%	1.2%	8.3%	7.2%
Japanese	41,456.23	4.1%	3.3%	3.9%	10.1%
Korea	3,196.05	0.3%	4.6%	33.2%	17.0%
China	3,593.66	1.7%	5.0%	7.2%	24.3%
HongKong	25,388.35	2.3%	4.6%	26.6%	49.2%
Taiwan	23,364.38	-0.1%	3.5%	1.4%	5.6%
Indian	24,837.00	-0.5%	-3.1%	5.0%	0.0%
Singapore	4,261.06	1.7%	7.4%	12.5%	24.4%
Malaysia	1,533.76	0.5%	0.4%	-6.6%	-4.9%
Indonesia	7,543.50	3.2%	9.4%	6.6%	3.5%
Thailand	1,217.15	0.9%	12.5%	-13.1%	-6.9%
Philippine	6,413.18	1.7%	0.1%	-1.8%	-4.7%
Vietnam	1,531.13	2.3%	11.6%	20.9%	23.3%
Brent Oil	67.66	-2.3%	-0.2%	-9.4%	-16.6%
Crude Oil WTI	65.16	-1.5%	-0.6%	-8.6%	-14.3%
Gold	3,392.50	1.1%	3.2%	28.5%	42.5%
S&P 500 VIX	14.93	-9.0%	-8.5%	-14.0%	-8.9%
Dollar Index	97.40	-0.8%	0.4%	-10.1%	-6.4%
U.S. 10Y	4.39	-1.0%	2.6%	-4.1%	4.6%
U.S. 2Y	3.92	1.1%	4.6%	-7.5%	-10.7%

Nguồn: Update 27/07, Investing, MBS Research

1 month		3 months		6 months	
Index	Change	Index	Change	Index	Change
Venezuela	36.41%	Venezuela	110.05%	Venezuela	270.12%
Turkey	13.00%	PHLX Semicon	32.79%	Gold Bugs	44.68%
Vietnam	12.03%	Korea	25.52%	DJ Prec Metals	43.98%
Indonesia	10.46%	Vietnam	24.56%	Gold & Silver	41.69%
Thailand	9.88%	NASDAQ	21.43%	Greece	27.50%
UAE Dubai	8.87%	Israel	21.06%	Hong Kong	26.52%
Argentina	8.53%	UAE Dubai	18.38%	Poland	26.46%
Singapore	8.53%	Taiwan	17.57%	Korea	25.99%
NBI BioTech	7.56%	Portugal	16.34%	HK China Ent	25.14%
Poland	7.24%	Nikkei 225	16.11%	Portugal	22.37%
Sweden	6.63%	S&P 500	15.63%	Vietnam	21.03%
Nikkei 225	6.46%	Rus 2000	15.50%	Israel	20.54%
Gold Bugs	6.32%	Hong Kong	15.50%	HK Aff Crp	20.37%
Rus 2000	5.85%	Greece	15.43%	S. Africa	20.17%
NASDAQ	5.68%	Gold & Silver	14.94%	Spain	19.97%

Nguồn: Update 27/07, en.stockq.org

Các sự kiện chính trong tuần này (28/07 – 01/08)

Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu
28	29	30	31	01
	 Mỹ: Chỉ số niềm tin người tiêu dùng của CB (tháng 7)  Mỹ: Số lượng việc làm trống JOTLS (tháng 6)	 Úc: Chỉ số giá tiêu dùng CPI (Q2)  Châu Âu: Chỉ số tăng trưởng GDP sơ bộ (Q2)  Mỹ: Chỉ số tăng trưởng GDP sơ bộ (Q2)	 Mỹ: Quyết định lãi suất của FED  Nhật: Quyết định lãi suất của BOJ  Mỹ: Đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu  Châu Âu: Tỷ lệ thất nghiệp (Tháng 6)  Mỹ: Chỉ số giá tiêu dùng cá nhân PCE (Tháng 6)  Canada: Chỉ số tăng trưởng GDP (Tháng 6)	 Châu Âu: Chỉ số giá tiêu dùng CPI sơ bộ (Tháng 7)  Mỹ: Bảng lương phi nông nghiệp (tháng 7)  Mỹ: Tỷ lệ thất nghiệp (tháng 7)  Mỹ: Chỉ số sản xuất PMI (tháng 7)  Mỹ: Chỉ số tâm lý tiêu dùng của đại học Michigan (Tháng 7)

THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA THẾ GIỚI



Energy	Price	Weekly	Monthly	YTD	YoY
Crude OilUSD/Bbl	65.07	-1.5%	-0.3%	-9.3%	-15.7%
BrentUSD/Bbl	68.36	-1.3%	2.5%	-8.4%	-15.7%
Natural gasUSD/MMBtu	3.0935	-13.2%	-12.3%	-14.9%	54.2%
GasolineUSD/Gal	2.0915	-2.6%	-0.6%	3.9%	-14.6%
Heating OilUSD/Gal	2.3969	-2.3%	1.6%	3.4%	-0.6%
CoalUSD/T	113.75	3.0%	7.2%	-9.2%	-18.3%
TTF GasEUR/MWh	32.44	-3.4%	-3.2%	-35.7%	0.3%
UK GasGBP/thm	78.855	-1.6%	1.4%	-37.1%	3.9%
EthanolUSD/Gal	1.77	-0.7%	5.4%	4.7%	0.0%
NaphthaUSD/T	549.84	-0.1%	-1.7%	-10.1%	-20.2%
PropaneUSD/Gal	0.72	-0.6%	-6.3%	-7.8%	-9.3%
UraniumUSD/Lbs	71.65	0.9%	-8.7%	-1.9%	-13.1%
MethanolCNY/T	2489	6.6%	1.6%	-10.1%	-0.4%
Urals OilUSD/Bbl	63.86	-2.4%	-0.6%	-6.8%	-16.7%

Metals	Price	Weekly	Monthly	YTD	YoY
GoldUSD/t.oz	3337	-0.4%	0.3%	27.2%	39.8%
SilverUSD/t.oz	38.157	0.0%	4.1%	32.1%	36.6%
CopperUSD/Lbs	5.7839	4.2%	14.1%	45.3%	40.3%
SteelCNY/T	3223	2.8%	9.3%	-2.6%	4.5%
LithiumCNY/T	72900	9.4%	20.3%	-2.9%	-14.7%
Iron Ore CNYCNY/T	791.5	-1.1%	10.9%	1.6%	1.6%
PlatinumUSD/t.oz	1417.3	-1.3%	1.0%	58.5%	51.4%
HRC SteelUSD/T	870.06	-0.6%	-1.7%	22.7%	28.0%
Iron OreUSD/T	98.55	1.4%	4.3%	-4.9%	-7.8%
TitaniumCNY/KG	50.5	0.0%	0.0%	13.5%	4.1%

Industrial	Price	Weekly	Monthly	YTD	YoY
BitumenCNY/T	3591	-2.3%	0.6%	-2.7%	0.8%
CobaltUSD/T	33335	0.0%	0.0%	37.2%	25.2%
LeadUSD/T	2019.8	0.3%	-1.3%	3.5%	-2.3%
AluminumUSD/T	2635.9	0.0%	1.7%	3.3%	15.2%
TinUSD/T	34626	4.9%	4.3%	19.1%	17.7%
ZincUSD/T	2831.6	0.3%	2.0%	-4.9%	6.1%
NickelUSD/T	15265	0.1%	0.8%	-0.2%	-3.4%
MolybdenumCNY/Kg	470	-1.1%	5.9%	0.2%	-2.1%
PalladiumUSD/t.oz	1260	-2.1%	9.7%	41.7%	43.9%
RhodiumUSD/t.oz.	6250	7.8%	14.7%	36.6%	34.4%
PolyethyleneCNY/T	7439	3.0%	2.0%	-12.7%	-10.2%
PolyvinylCNY/T	5291	6.7%	9.6%	7.4%	-6.9%
PolypropyleneCNY/T	7205	2.6%	1.5%	-2.3%	-5.0%
Soda AshCNY/T	1290	11.4%	0.5%	-15.6%	-33.0%
NeodymiumCNY/T	640000	8.0%	15.8%	28.8%	39.9%
TelluriumCNY/Kg	605	0.0%	-6.2%	-6.2%	-21.4%
UreaUSD/T	453	3.0%	16.9%	34.2%	43.8%
Di-ammoniumUSD/T	771	3.1%	7.8%	33.5%	43.4%

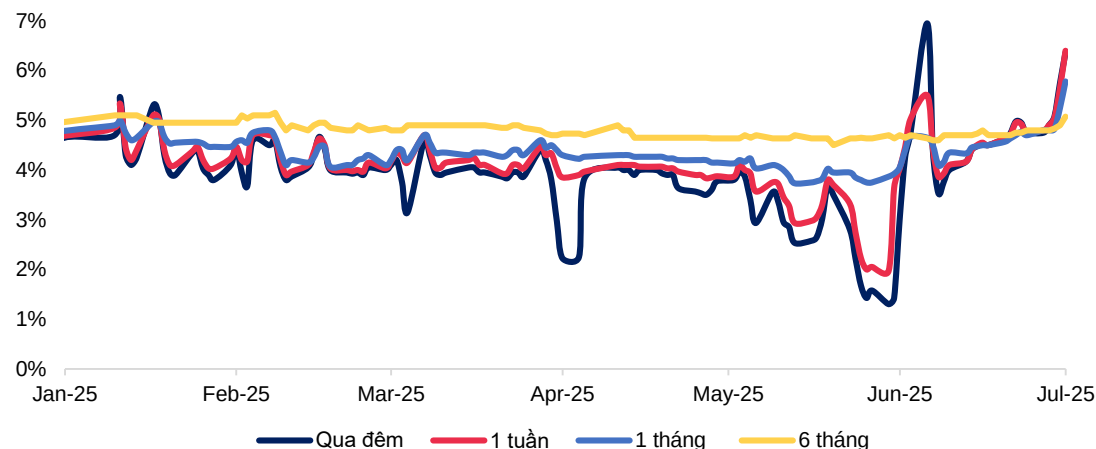
Index	Price	Weekly	Monthly	YTD	YoY
CRB IndexIndex Points	374.96	0.1%	3.0%	5.1%	13.8%
LME IndexIndex Points	4218.9	0.1%	-0.5%	8.0%	8.7%
GSCIIndex	545.07	-1.2%	0.1%	-0.8%	-0.8%
SSE Consume Commodity	8292.7	2.1%	7.1%	5.3%	14.8%
Containerized Freight	1592.6	-3.3%	-14.8%	-35.3%	-53.8%
Nuclear Energy IndexUSD	41.76	1.7%	7.7%	56.0%	51.0%
Solar Energy IndexUSD	38.71	2.0%	12.8%	14.9%	-9.3%
EU Carbon PermitsEUR	71.34	2.1%	1.3%	-2.3%	5.4%
Wind Energy IndexUSD	19.47	2.9%	6.2%	31.6%	15.4%

Nguồn: Update 25/07, tradingeconomics, MBS Research

Lãi suất

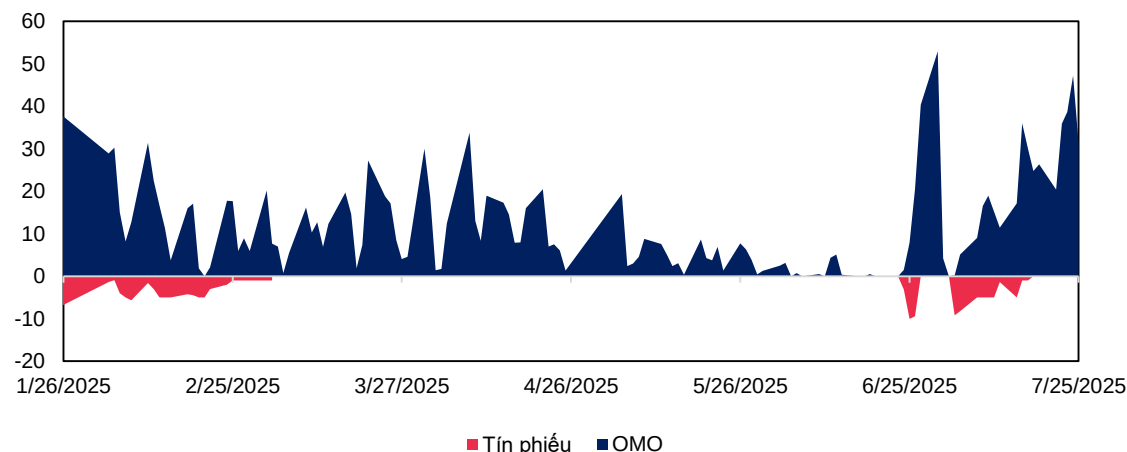
- Tuần vừa qua, NHNN tiếp tục bơm ròng mạnh trong bối cảnh lãi suất liên ngân hàng duy trì xu hướng tăng suốt ba tuần gần đây. Cụ thể, Nhà điều hành đã ngừng chào thầu tín phiếu và bơm thanh khoản thông qua kênh cầm cố OMO với tổng giá trị khoảng 173.7 nghìn tỷ đồng (+29.4% so với tuần trước), kỳ hạn 7, 14, 28 và 91 ngày với lãi suất 4%. Trong tuần, khối lượng đáo hạn trên kênh cầm cố đạt 110.8 nghìn tỷ đồng, trong khi giá trị tín phiếu đáo hạn ước khoảng 7 nghìn tỷ đồng. Theo đó, NHNN đã bơm ròng khoảng 69.8 nghìn tỷ đồng vào hệ thống trong tuần. Tính từ đầu tháng 7 đến nay, tổng lượng bơm ròng đạt 90.1 nghìn tỷ đồng.
- Lãi suất liên ngân hàng tiếp tục tăng và vượt ngưỡng 5% ở tất cả các kỳ hạn. Cụ thể, lãi suất qua đêm và 1 tuần dao động trong khoảng 6.3% - 6.4%, tăng mạng 1.5 và 1.6 điểm phần trăm so với tuần trước. Trong khi đó, lãi suất 1 tháng ở mức 5.8% (+ 1.08 dpt so với tuần trước) và kỳ hạn 6 tháng tăng nhẹ 0.2 dpt lên mức 5.1%.

Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Thị trường mở

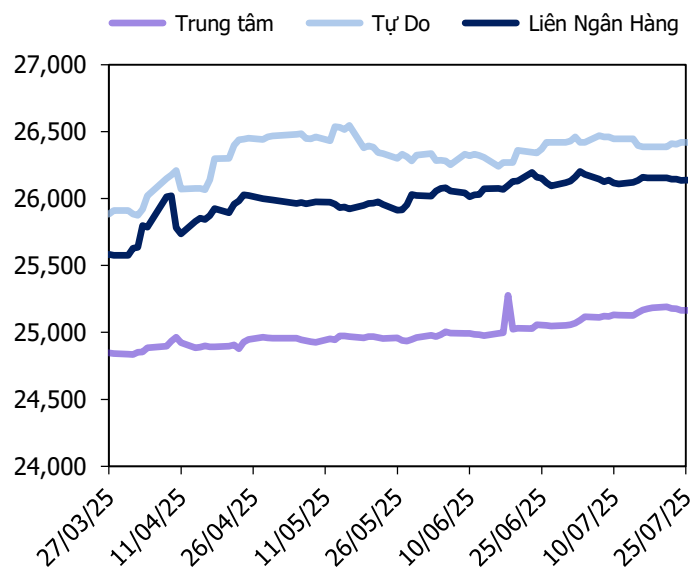


Nguồn: NHNN, MBS Research

Thị trường ngoại hối và trái phiếu

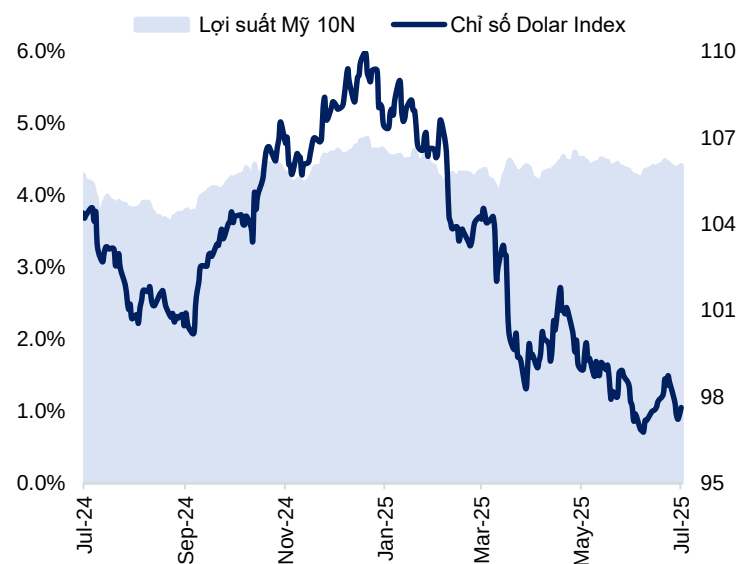
Chỉ số DXY trong tuần có xu hướng giảm xuống 97.6 điểm (-0.9% so với tuần trước), trong bối cảnh thời hạn chốt thuế thương mại đang đến gần và các dữ liệu kinh tế Mỹ kém tích cực. Ngày 22/7, Mỹ và Nhật Bản đã công bố một thỏa thuận thương mại về việc Mỹ sẽ giảm thuế nhập khẩu ô tô xuống 15% và Nhật Bản đầu tư 550 tỷ USD vào nền kinh tế Mỹ. Thỏa thuận này góp phần cải thiện tâm lý thị trường, khiến nhu cầu nắm giữ USD giảm. Bên cạnh đó, dữ liệu kinh tế kém tích cực góp phần làm suy yếu đồng bạc xanh. Cụ thể, chỉ số PMI sản xuất sơ bộ tháng 7 của Mỹ giảm xuống 49.5 điểm, thấp hơn mức 52.5 điểm của dự báo. Ngoài ra, số lượng đơn đặt hàng hóa lâu bền sơ bộ tháng 6 giảm mạnh 9.3%, xuống còn 311.8 tỷ USD. Trong nước, tỷ giá liên ngân hàng hiện ở mức 26,137 VND/USD (+2.7% so với đầu năm), tỷ giá thị trường tự do ở mức 26,420 VND/USD (+2.6%), trong khi tỷ giá trung tâm được niêm yết tại 25,164 VND/USD (+3.4%).

Tỷ giá USD/VND



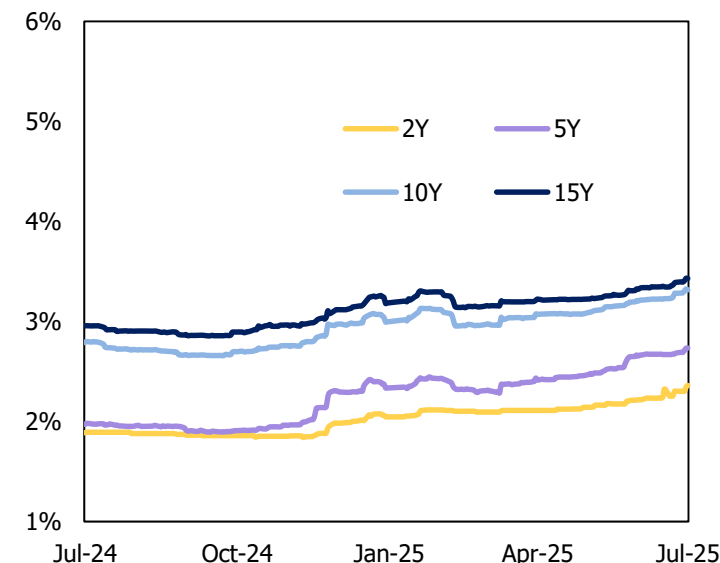
Nguồn: SBV, Bloomberg, MBS Research

Chỉ số Dolar index và lợi suất TPCP Mỹ 10N



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Lợi suất TPCP



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

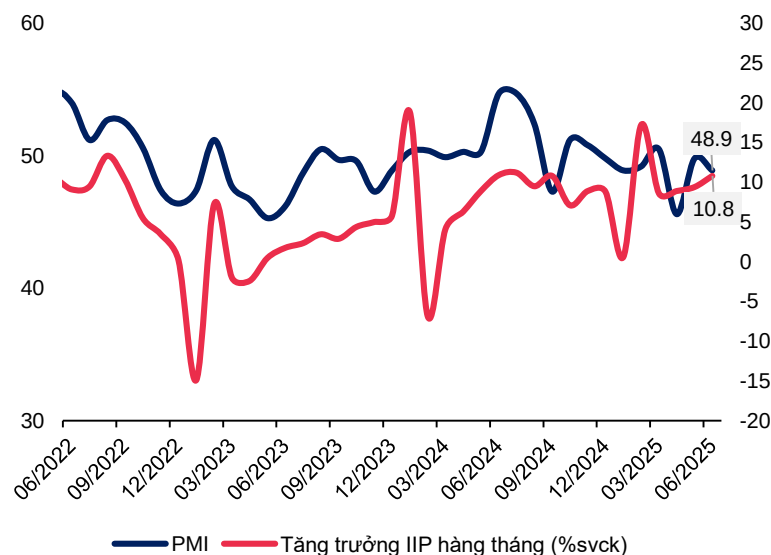
THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Kinh tế vĩ mô trong nước

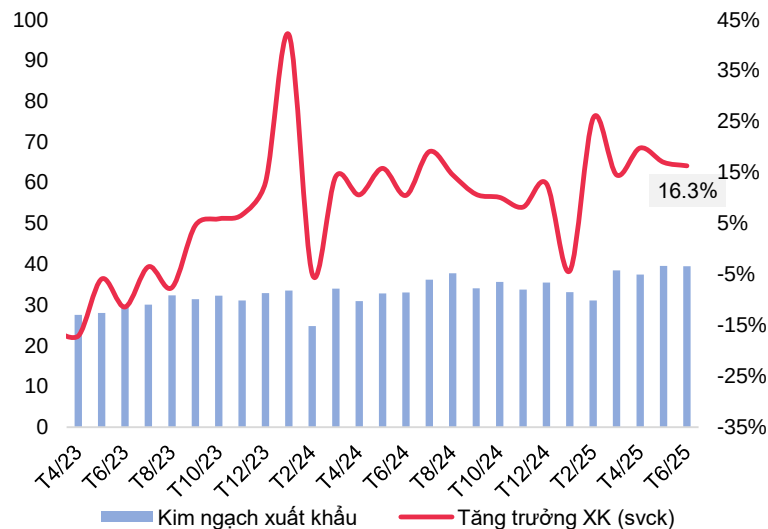
- Trong T6/25, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sơ bộ đạt 39.5 tỷ USD (+16.3% svck), trong khi kim ngạch nhập khẩu ước đạt 36.7 tỷ USD (+20.2% svck). Lũy kế từ đầu năm, cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 7.63 tỷ USD. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) T6/25 ước tính tăng 4.1% so với tháng trước và tăng 10.8% svck. Tuy nhiên, chỉ số PMI T6 giảm xuống mức 48.9 điểm – đánh dấu tháng thứ 3 liên tiếp ở ngưỡng ở dưới ngưỡng 50 điểm trong bối cảnh nhu cầu quốc tế suy yếu khiến số lượng đơn hàng xuất khẩu tăng giảm nhanh nhất trong vòng 2 năm trở lại đây.
- Tốc độ tăng trưởng của tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 8.3% svck trong T6. Lũy kế 6T2025, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 9.3% svck, nếu loại trừ yếu tố giá tăng tăng 7.2% svck.

Chỉ số PMI sản xuất và IIP của Việt Nam (% svck)



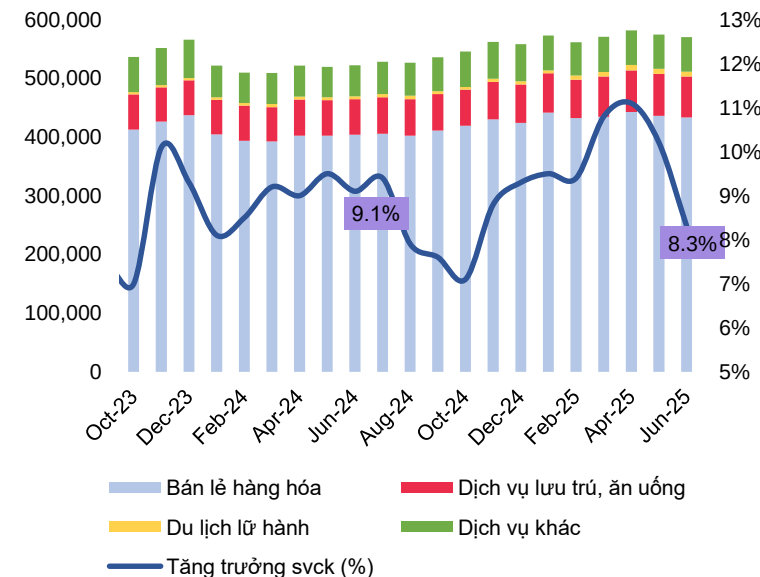
Nguồn: TCTK, Bloomberg, MBS Research

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa năm qua các tháng (Tỷ USD)



Nguồn: TCTK, MBS Research

Doanh thu bán lẻ hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng so với cùng kỳ năm trước (Tỷ USD)

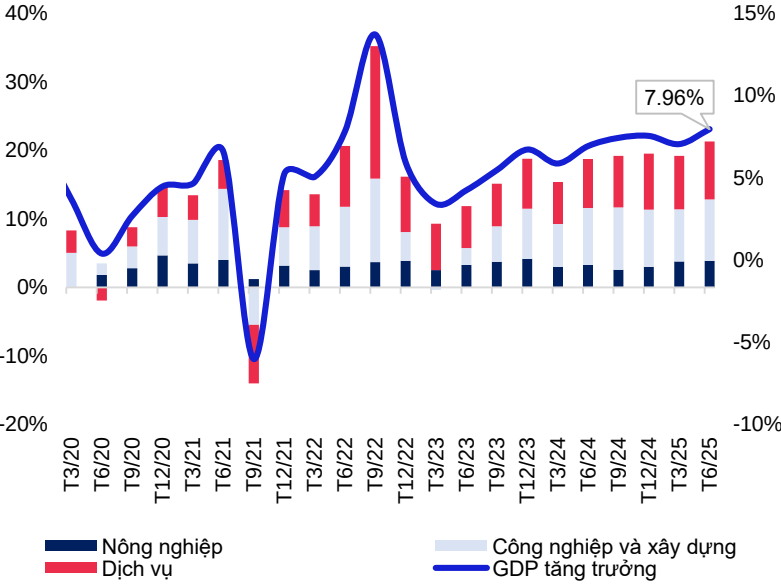


Nguồn: TCTK, Bloomberg, MBS Research

Kinh tế vĩ mô trong nước

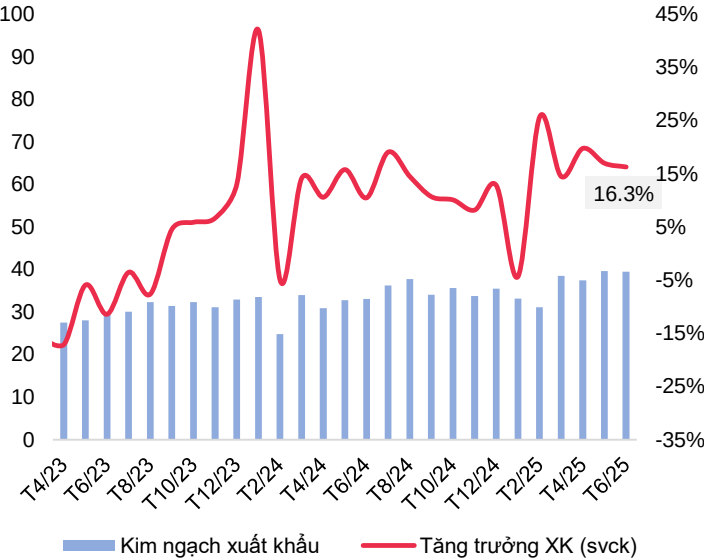
- Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý II/2025 ước tính tăng 7.96% svck, chỉ thấp hơn tốc độ tăng 8.56% của quý II/2022 trong giai đoạn 2020-2025. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3.9%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9%; khu vực dịch vụ tăng 8.5%. Lũy kế 6T2025, GDP tăng 7,52% svck, là mức cao nhất của sáu tháng đầu năm trong giai đoạn 2011-2025 .
- Trong 6T2025, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sơ bộ đạt 219.8 tỷ USD, tăng 14.4% svck. Một số mặt hàng có mức tăng trưởng mạnh trong kỳ bao gồm: Đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận (+103.4% svck); điện tử, máy tính và linh kiện (+40% svck); sản phẩm từ sắt thép (+31.6% svck). Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu tích cực, theo đó chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) trong T6/25 ước tăng 4.1% so với tháng trước và tăng 10.8% svck.

Tăng trưởng GDP theo từng nhóm ngành



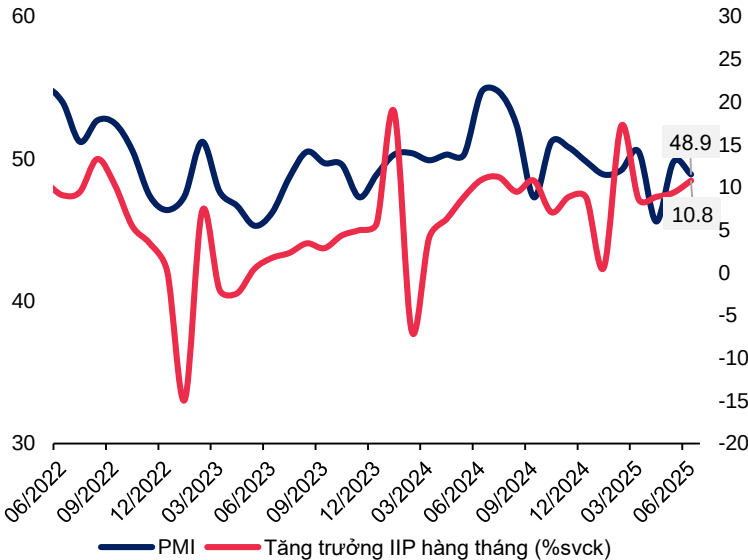
Nguồn: TCTK, Bloomberg, MBS Research

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa năm qua các tháng (Tỷ USD)



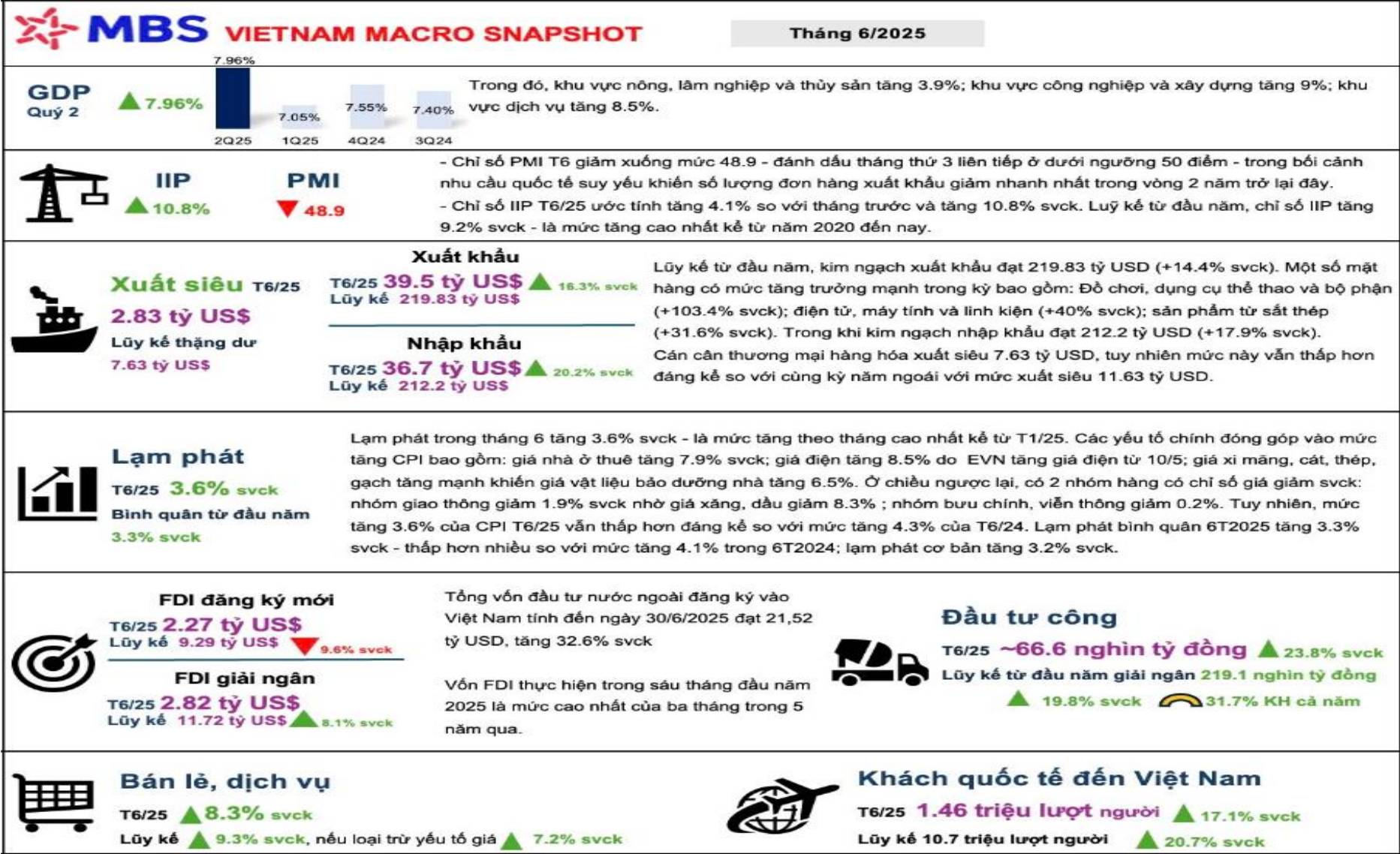
Nguồn: TCTK, MBS Research

Chỉ số PMI sản xuất và IIP của Việt Nam (% svck)



Nguồn: TCTK, Bloomberg, MBS Research

Kinh tế vĩ mô trong nước



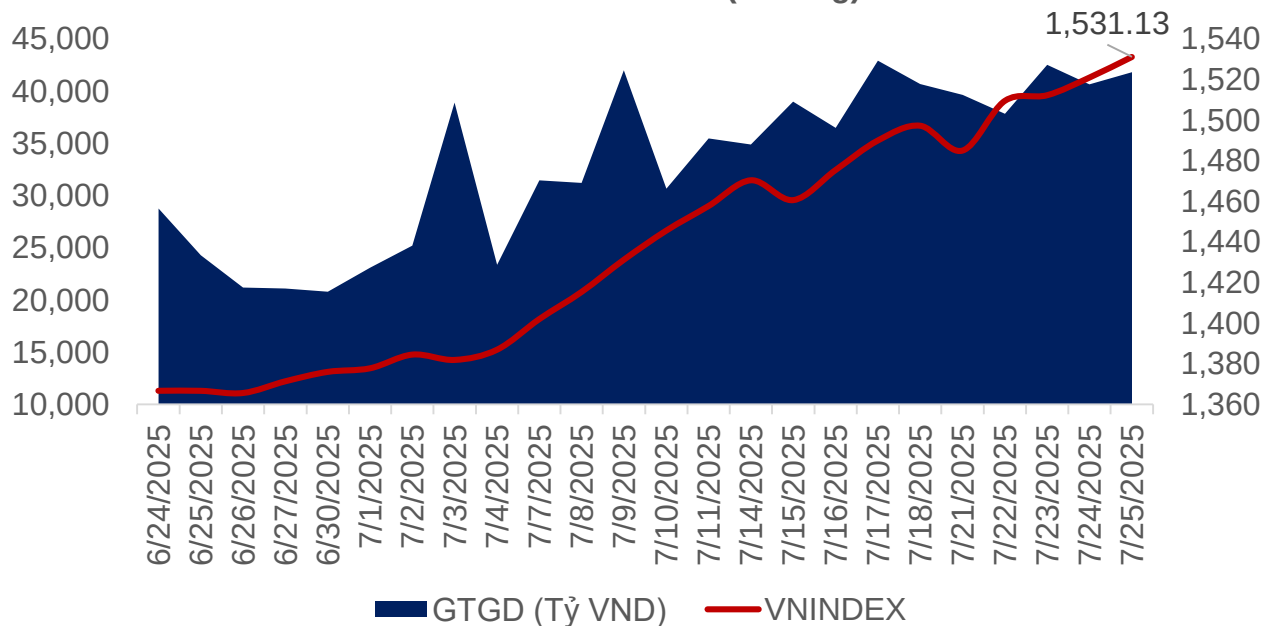
Chỉ số Vn-Index tăng 6 tuần liên tiếp, lập kỷ lục về giá đóng cửa, khối lượng giao dịch cũng lập mức kỷ lục mới

Chỉ số Vn-Index chốt tuần ở ngưỡng 1.531,13 điểm, tăng +33,85 điểm, tương đương tăng +2,26% so với tuần trước, đánh dấu tuần tăng thứ 6 liên tiếp, hiện chỉ số này chỉ còn cách mức cao lịch sử 5 điểm. Nhóm cổ phiếu Midcap và Smallcap tăng lần lượt +6,95% và +2,11%, bên cạnh nhóm Bluechips, với VN30 lập đỉnh cao mới và tăng + 1,55%.

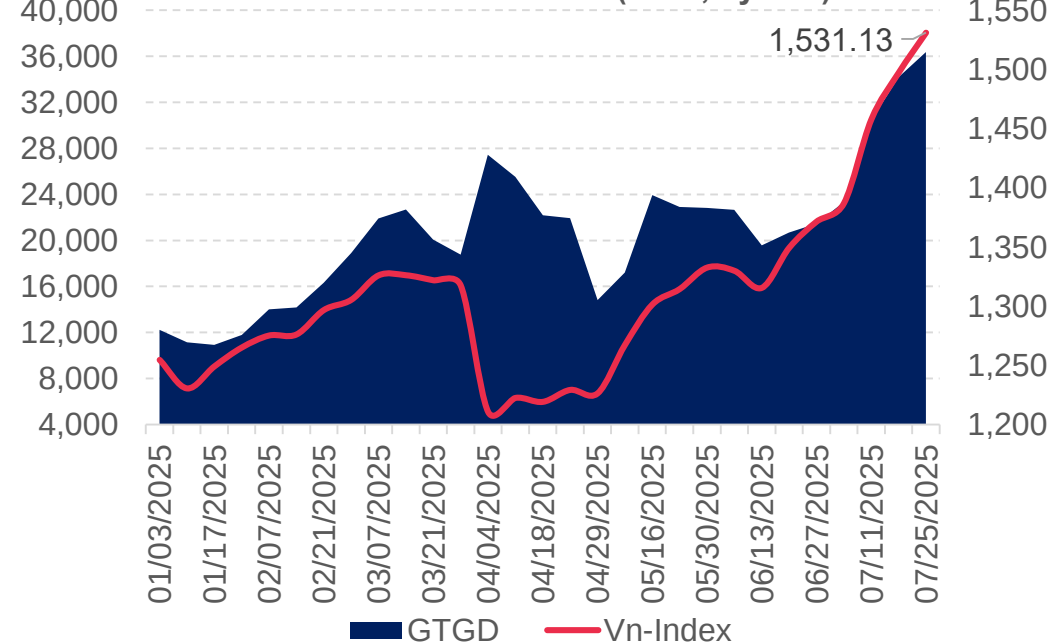
Một số nhóm cổ phiếu có mức tăng mạnh hơn thị trường như: Chứng khoán (+7,96%), Hàng không (+7,82%), BĐS KCN (+6,37%), Đầu tư công (+6,32%), ... ở chiều ngược lại, nhóm cổ phiếu đi ngược thị trường là Vingroup (-3,99%).

Thanh khoản toàn thị trường tuần vừa qua đạt 40.498 tỷ đồng, tăng +4,4% so với tuần trước đó, trong đó thanh khoản khớp lệnh cũng tăng +6,7% lên 37.856 tỷ đồng. Theo thống kê, thanh khoản kể từ đầu tháng 7 tăng +84% vsck và tăng + 52% so với tháng 6, đạt 35.678 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm, thanh khoản toàn thị trường đạt 23.170 tỷ đồng, tăng +10% so với mức bình quân năm 2024 nhưng giảm 3% so với cùng kỳ.

Diễn biến VN-INDEX (1 tháng)



Thanh khoản sàn HOSE (Tuần, Tỷ vnd)

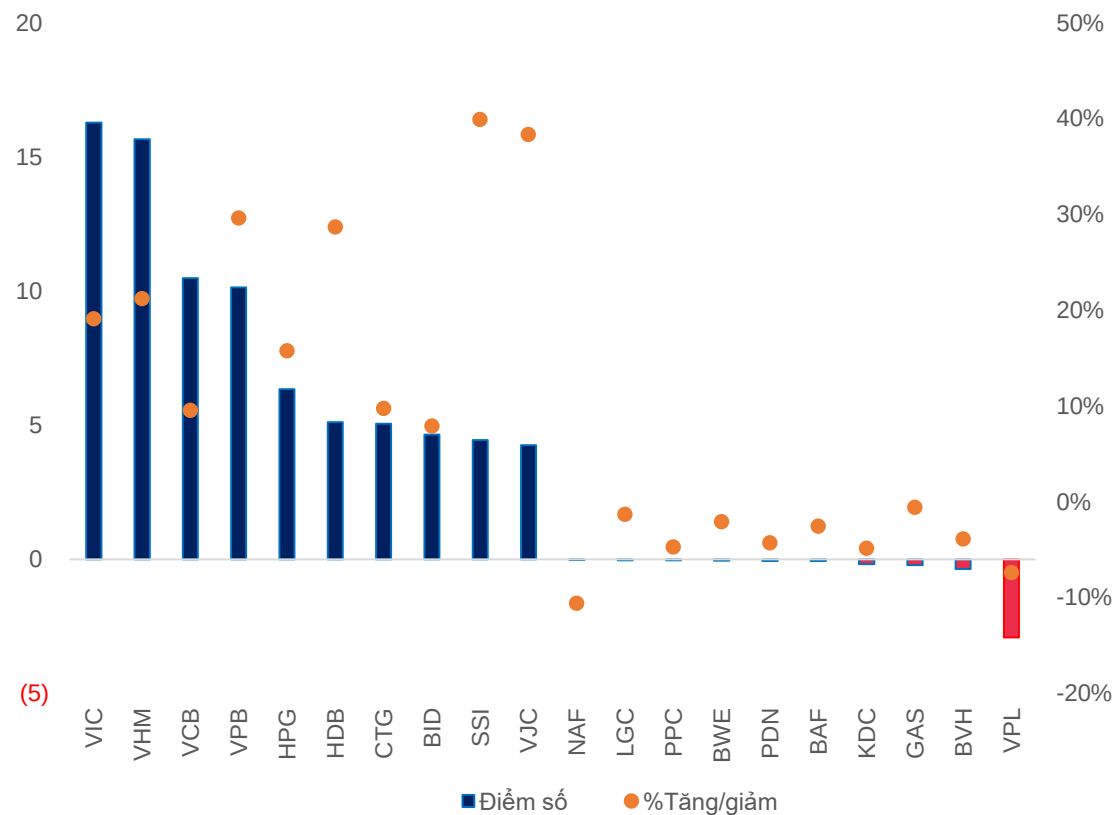


THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



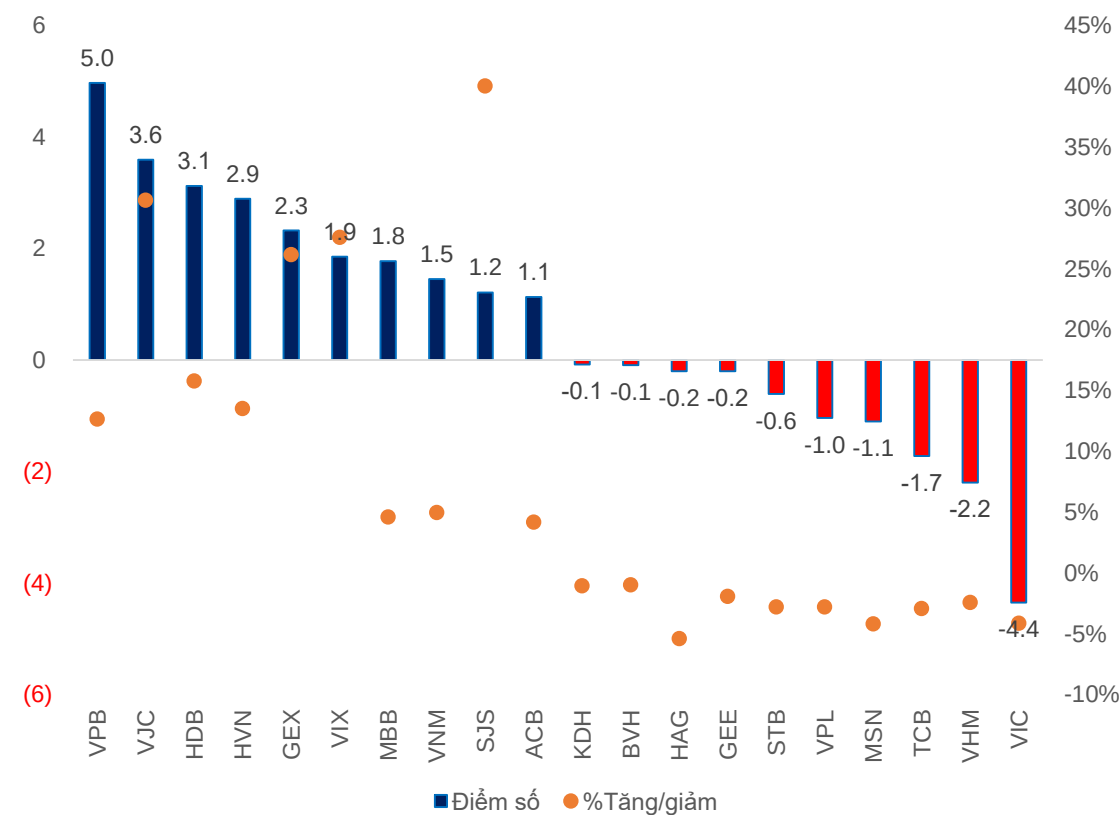
Top cổ phiếu đóng góp vào mức tăng của chỉ số Vn-Index trong vòng 1 tuần và 1 tháng qua

Top cổ phiếu đóng góp vào mức tăng 164,36 điểm (+12,03%) của Vn-Index 1 tháng qua



Nguồn: FinX, MBS Research

Top cổ phiếu đóng góp vào mức tăng 33,85 điểm (+2,26%) của Vn-Index tuần vừa qua

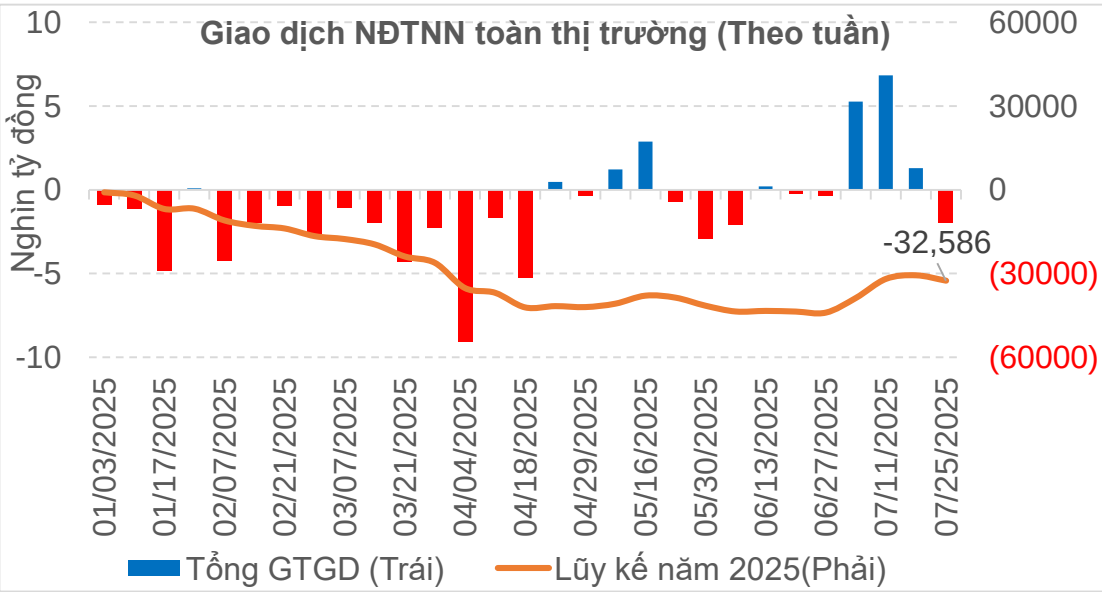
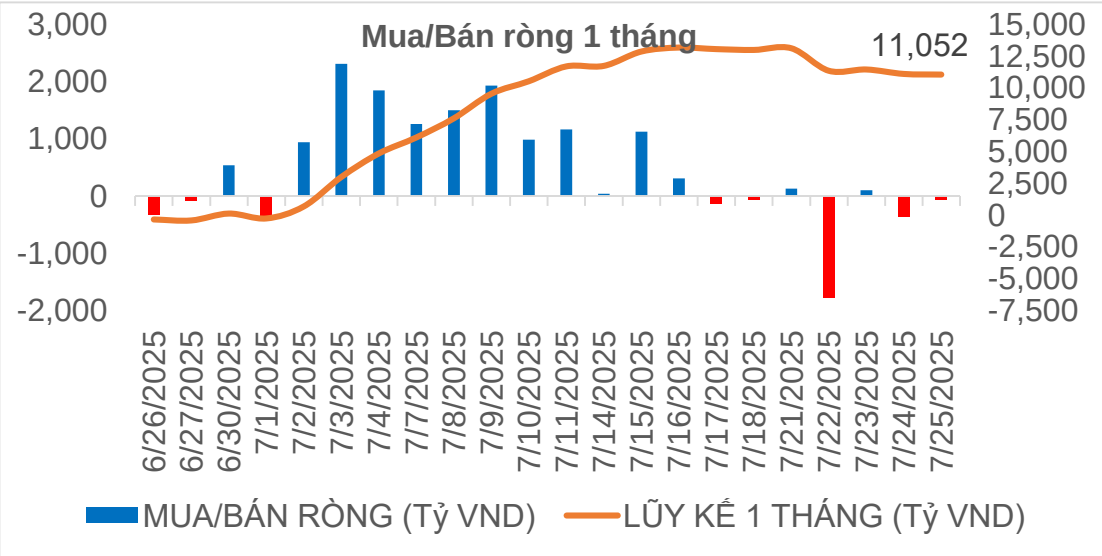


Nguồn: FinX, MBS Research

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Khối ngoại bán ròng -1.934 tỷ đồng, kể từ phiên quay lại mua ròng (2/7), khối ngoại đã mua ròng tổng cộng gần +11.296 tỷ đồng.



Dòng vốn đầu tư quốc tế ở khu vực Châu Á (Triệu USD)

Country	Date	Daily	WTD	MTD	QTD	YTD	12M
Asia (11)							
China	31-Mar-25			4,272	8,606	8,606	19,065
India	23-Jul-25	-382	28	-621	-621	-8,777	-13,989
Indonesia	24-Jul-25	11	6	-359	-359	-3,596	-2,317
Japan	18-Jul-25		3,844	11,105	11,105	18,110	-24,191
Malaysia	24-Jul-25	5	11	-103	-103	-2,830	-3,857
Philippines	25-Jul-25	2	6	-22	-22	-616	-576
S. Korea	25-Jul-25	263	1,641	3,038	3,038	-6,330	-22,137
Sri Lanka	24-Jul-25	0.2	-0.7	-19	-19	-58	-74
Taiwan	24-Jul-25	334	1,091	7,293	7,293	1,363	-15,330
Thailand	24-Jul-25	50	282	394	394	-1,942	-2,790
Vietnam	24-Jul-25	-8	-56	414	414	-1,129	-3,238

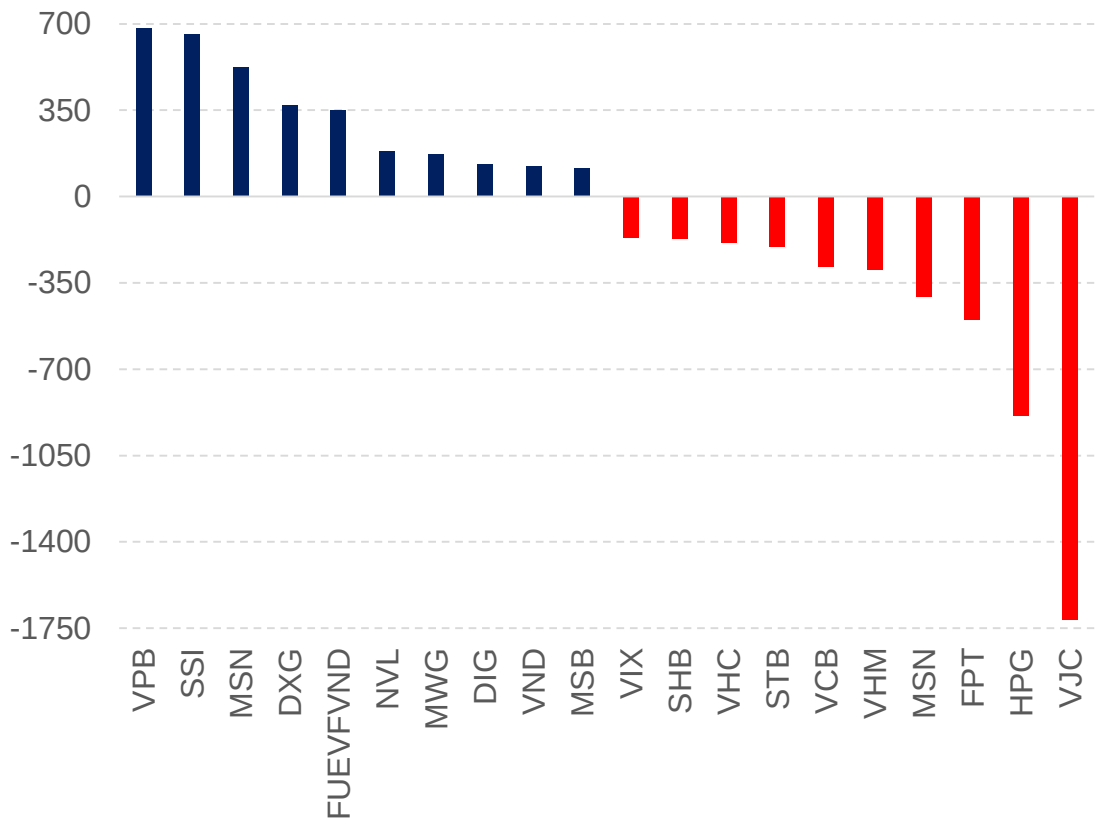
Nguồn: Bloomberg, MBS Research

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



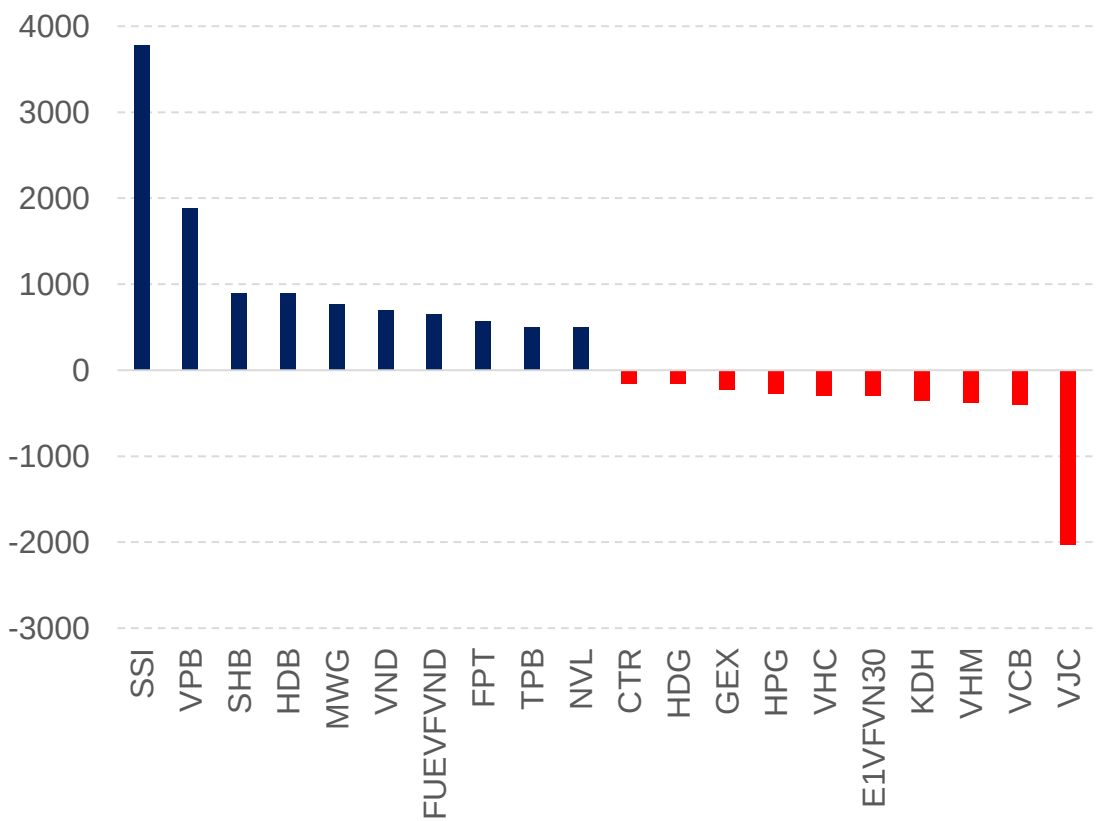
Top cổ phiếu được khối ngoại Mua/Bán ròng trên sàn HOSE (Tỷ VND)

Top cổ phiếu được khối ngoại Mua/Bán ròng trên sàn HOSE tuần vừa qua (Tỷ VND)



Nguồn: FinX, MBS Research

Top cổ phiếu được khối ngoại Mua/Bán ròng trên sàn HOSE trong vòng 1 tháng vừa qua(Tỷ VND)



Nguồn: FinX, MBS Research

Nhóm cổ phiếu được khối ngoại mua/bán ròng nhiều nhất kể từ khi giải ngân trở lại (2/7)

Mã	Giá	Tổng GTGD Ròng (1/7 - 18/7)	Tổng GTGD Ròng (21/7 - 25/7)	Tổng room NN (CP)	Room NN còn lại (CP)	1W (%)	1M (%)	YTD (%)
SSI	34.0	3,772	526	1,973,863,918	1,142,988,166	6.92	38.78	30.52
VPB	24.1	1,884	660	2,380,177,080	342,501,123	12.65	30.71	28.66
SHB	15.1	892	-174	1,219,724,100	1,025,080,980	5.99	15.33	69.07
HDB	28.3	892	683	614,274,894	0	15.78	29.59	10.78
MWG	70.1	772	184	725,049,656	1	0.58	9.4	16.57
VND	21.2	692	172	1,522,299,908	1,257,634,028	14.02	24.78	73.15
FUEVFNVD	36.1	656	-39	359,700,000	17,592,772	2.99	9.52	7.82
FPT	110.7	574	-501	725,851,759	119,561,994	1	8.68	-15.83
TPB	15.6	499	63	792,586,858	148,567,642	3.31	16.42	0.51
NVL	17.1	498	117	955,551,223	756,959,316	0.88	14.77	66.83
VIX	24.1	468	-166	1,531,429,858	1,318,249,421	27.59	87.16	156.86
VNM	63.2	446	352	2,089,955,445	1,070,621,901	4.98	11.27	3.21
ACB	23.6	387	2	1,540,996,979	0	4.19	11.06	9.47
DXG	19.9	378	-74	510,315,837	239,622,214	2.31	19.16	55.89
VRE	29.5	349	100	1,141,121,020	711,529,547	0.17	19.68	72.01
HCM	25.8	315	-25	353,197,650	71,735,266	3.21	22.91	13.31
MSN	75.8	288	-408	1,512,928,087	1,121,641,786	-4.17	7.82	8.29
FRT	158.0	282	370	66,758,770	20,802,189	3.74	14.51	6.43
VCI	43.1	266	-45	718,099,480	504,425,688	3.24	20.08	30.61
VIC	114.1	264	100	1,862,402,462	1,596,866,864	-4.12	19.1	181.38

Nguồn: FinX, MBS Research

Mã	Giá	Tổng GTGD Ròng (1/7 - 18/7)	Tổng GTGD Ròng (21/7 - 25/7)	Tổng room NN (CP)	Room NN còn lại (CP)	1W (%)	1M (%)	YTD (%)
KBC	29.2	253	15	461,459,831	316,467,373	2.64	13.4	7.35
TCH	25.6	240	31	340,790,079	257,658,632	4.49	32.64	68.98
MSB	14.1	233	21	780,000,000	44,761,664	6.42	17.5	21.03
CTG	45.6	185	7	1,610,997,524	149,220,179	1.22	9.35	20.63
NLG	41.7	155	30	192,537,652	6,364,004	2.33	12.26	15.47
DIG	21.8	154	-140	316,751,283	281,895,231	6.08	26.38	22.17
STB	48.8	148	-206	565,564,714	186,762,994	-2.79	4.27	32.25
BCM	69.8	112	2	351,900,000	329,702,497	3.1	12.94	-1.55
HSG	18.7	102	125	304,281,331	246,067,126	3.9	11.34	4.04
DBC	35.9	85	39	163,987,881	142,301,675	6.38	13.45	29.19
PLX	38.1	89	-38	258,775,616	38,518,355	2.14	2.14	5.01
VCG	25.7	801	95	293,310,794	245,145,391	10.06	19.26	58.54
BSI	46.7	809	-26	245,365,943	156,004,170	2.41	14.6	5.73
GAS	68.7	816	-41	1,147,909,730	1,104,370,065	0.88	1.78	0.88
DPG	47.5	822	-82	49,391,525	44,452,484	2.04	9.84	67.54
BID	38.9	846	-86	2,106,408,575	878,338,233	1.3	8.37	3.46
GVR	31.2	851	2	520,000,000	486,747,268	2.63	1.3	2.8
CTR	98.7	855	-48	56,049,080	45,521,564	-1.1	0.1	-20.72
HDG	28.0	859	43	184,981,517	121,235,975	0.9	8.32	8.11
GEX	53.5	830	130	451,199,474	374,103,461	26.18	42.67	199.65
HPG	26.1	829	-880	3,760,978,268	2,022,768,394	0.58	15.01	17.38
VHC	58.1	827	-189	224,453,159	176,428,081	2.11	2.11	-17.59
E1VFN30	29.1	801	-45	216,400,000	32,026,654	1.82	14.69	24.06
KDH	28.7	855	-136	505,571,282	160,947,201	-1.03	6.92	-12.48
VHM	93.7	834	-287	2,053,706,002	1,618,996,120	-2.4	20.28	134.25
VCB	62.0	837	-286	2,506,702,528	664,926,133	0.16	9.54	1.71
VJC	121.9	832	-1,734	162,483,400	119,804,809	30.65	39.95	21.9

Nguồn: FinX, MBS Research

Các quỹ ETF có hiệu suất khá tích cực và dòng vốn có dấu hiệu trở lại ở ETF Diamond, VanEck trong vòng 1 tháng qua

	Fund Assets (M USD)	NAV Currency	NAV	MTD Return	YTD Return	1 Yr Return	1W Flow (M USD)	1M Flow (M USD)	3M Flow (M USD)	YTD Flow (M USD)	1Y Flow (M USD)
VanEck Vietnam ETF	514.64	USD	16.01	16.33%	39.33%	34.41%	0.00	19.25	22.70	-38.74	-91.19
SSIAM VNFIN LEAD ETF	17.68	VND	27,840.23	13.48%	26.06%	34.92%	0.00	0.30	-2.35	-4.72	-12.40
Xtrackers FTSE Vietnam Swap UCITS ETF	314.91	EUR	28.71	16.18%	21.10%	23.71%	-0.72	-1.60	-16.00	-25.31	-42.17
DCVFMVN30 ETF Fund	241.21	VND	29,031.95	11.76%	23.08%	29.54%	-5.61	-14.83	-22.45	-66.42	-103.76
Fubon FTSE Vietnam ETF	593.41	TWD	14.34	13.32%	19.16%	16.95%	-17.95	-34.44	-48.69	-147.97	-239.86
DCVFMVN Diamond ETF	491.64	VND	35,701.04	8.82%	7.10%	10.63%	-0.96	22.01	25.58	-16.14	-7.06
MAFN VN30 ETF	37.30	VND	20,057.51	12.29%	23.46%	30.94%	0.00	-0.34	-0.08	3.26	15.34
KIM Growth VN30 ETF	85.94	VND	11,169.04	11.80%	24.64%	31.22%	0.08	-0.56	-2.48	0.61	17.14
	2,296.73						-25.16	-10.21	-43.75	-295.42	-463.96

Dòng tiền ròng theo nhóm cổ phiếu (Theo tuần)

	07/25/2025	07/18/2025	07/11/2025	07/04/2025	06/27/2025
Dầu khí	31.4%	13.9%	32.7%	-48.4%	-24.7%
Ngân hàng	22.7%	-3.4%	54.8%	16.8%	-18.8%
Chứng khoán	-1.0%	15.1%	42.3%	59.9%	38.6%
Bất động sản	-21.7%	62.3%	37.8%	17.9%	-9.9%
Dệt may	4.8%	-3.5%	-36.5%	51.8%	64.9%
Bán lẻ	-13.1%	22.6%	-8.4%	7.4%	3.8%
Vingroup	-3.0%	29.1%	67.4%	-27.7%	-8.8%
Xây dựng & VLXD	1.3%	-16.2%	117.3%	8.7%	-4.6%
Thực phẩm	34.7%	3.7%	45.5%	-21.2%	39.6%
Thủy sản	31.9%	-4.5%	-34.2%	53.3%	87.0%
Logistics	37.5%	23.6%	12.0%	59.5%	-16.2%
Dược phẩm	-4.1%	10.5%	2.8%	-40.7%	-47.9%
Sản xuất & PP Điện	13.0%	30.2%	24.2%	31.0%	14.6%
Đầu tư công	-11.7%	46.6%	12.2%	11.0%	12.4%
Hóa chất	35.5%	0.5%	15.6%	-1.4%	-23.4%
Cao su tự nhiên	28.0%	39.5%	-44.6%	23.0%	57.1%
Bảo hiểm	38.3%	7.0%	-1.7%	18.2%	-9.8%
Ô tô và phụ tùng	-29.2%	27.2%	11.4%	47.6%	-27.3%
Dịch vụ	48.8%	-5.1%	53.5%	3.2%	-4.9%
BDS KCN	-1.4%	11.3%	-19.7%	15.1%	63.7%
Viettel	-33.0%	7.2%	16.2%	24.7%	-17.7%
Du lịch	26.5%	-2.8%	21.1%	17.3%	-15.4%
Công nghệ	3.8%	-32.3%	22.1%	51.8%	-14.2%
Đường	18.6%	16.7%	7.3%	-3.0%	-16.9%

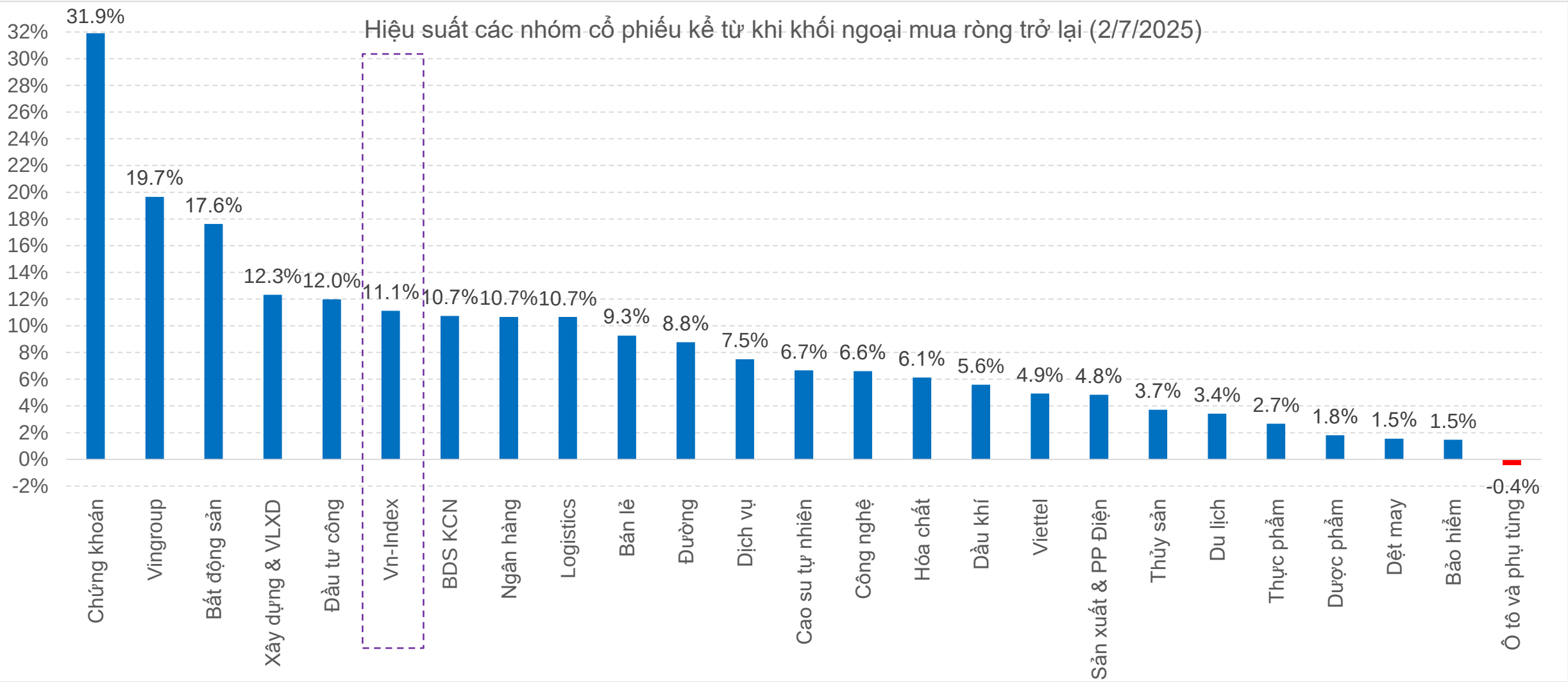
Cơ cấu thanh khoản theo nhóm cổ phiếu (Theo tuần)

	07/25/2025	07/18/2025	07/11/2025	07/04/2025	06/27/2025
Dầu khí	2.7%	2.2%	2.1%	2.2%	5.0%
Ngân hàng	24.3%	20.8%	24.0%	21.2%	21.1%
Chứng khoán	19.3%	20.5%	19.9%	19.1%	13.9%
Bất động sản	13.0%	17.4%	12.0%	11.9%	11.7%
Dệt may	0.6%	0.6%	0.7%	1.5%	1.2%
Bán lẻ	2.7%	3.3%	3.0%	4.5%	4.9%
Vingroup	4.2%	4.5%	3.9%	3.2%	5.1%
Xây dựng & VLXD	6.3%	6.5%	8.7%	5.5%	5.9%
Thực phẩm	5.5%	4.3%	4.6%	4.4%	6.4%
Thủy sản	0.8%	0.7%	0.8%	1.6%	1.2%
Logistics	4.0%	3.0%	2.7%	3.3%	2.4%
Dược phẩm	0.1%	0.1%	0.1%	0.2%	0.3%
Sản xuất & PP Điện	1.8%	1.7%	1.5%	1.6%	1.4%
Đầu tư công	2.6%	3.1%	2.4%	2.9%	3.0%
Hóa chất	4.0%	3.1%	3.4%	4.1%	4.8%
Cao su tự nhiên	0.4%	0.3%	0.2%	0.6%	0.6%
Bảo hiểm	0.2%	0.1%	0.1%	0.2%	0.2%
Ô tô và phụ tùng	0.5%	0.7%	0.6%	0.7%	0.6%
Dịch vụ	1.4%	1.0%	1.1%	1.0%	1.1%
BDS KCN	2.0%	2.1%	2.2%	3.7%	3.7%
Viettel	0.6%	1.0%	1.0%	1.2%	1.1%
Du lịch	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%
Công nghệ	2.8%	2.8%	4.7%	5.3%	4.0%
Đường	0.2%	0.2%	0.2%	0.2%	0.3%

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



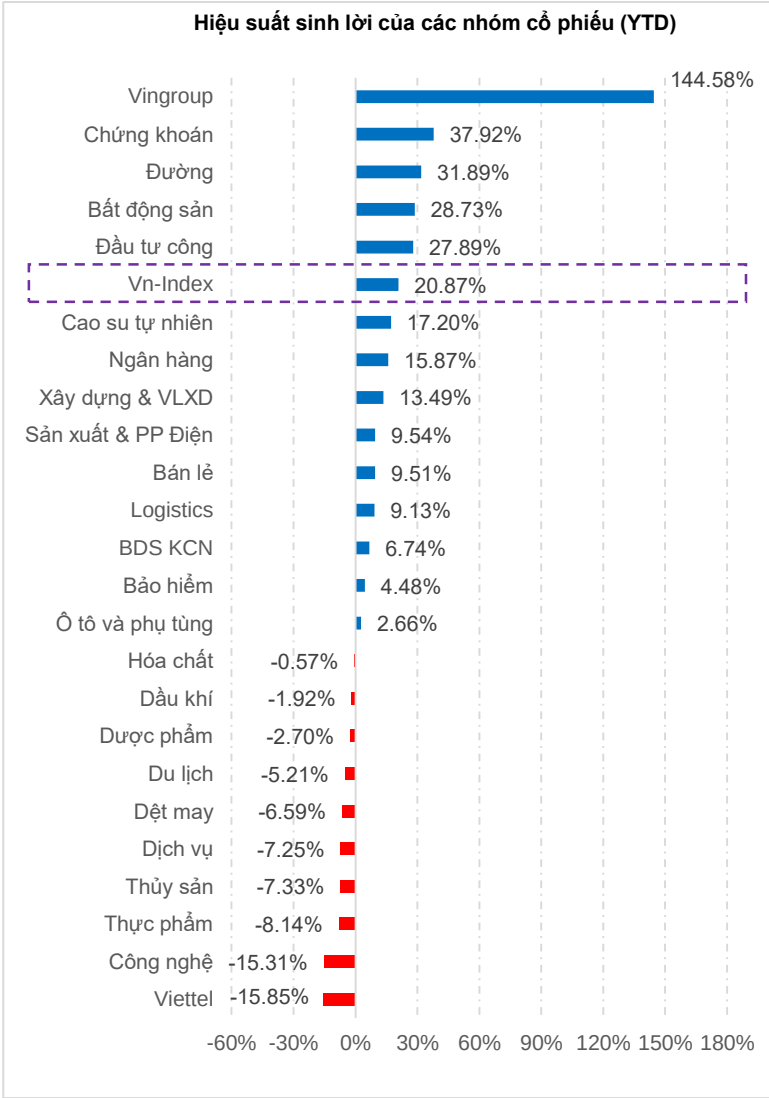
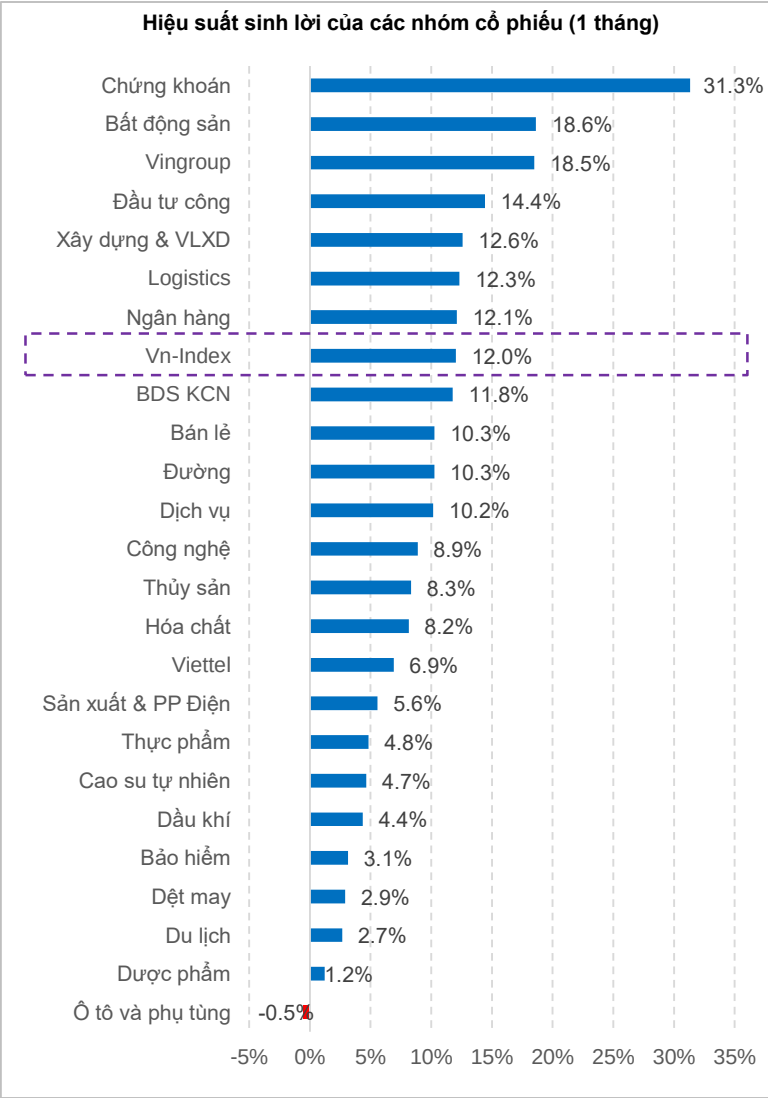
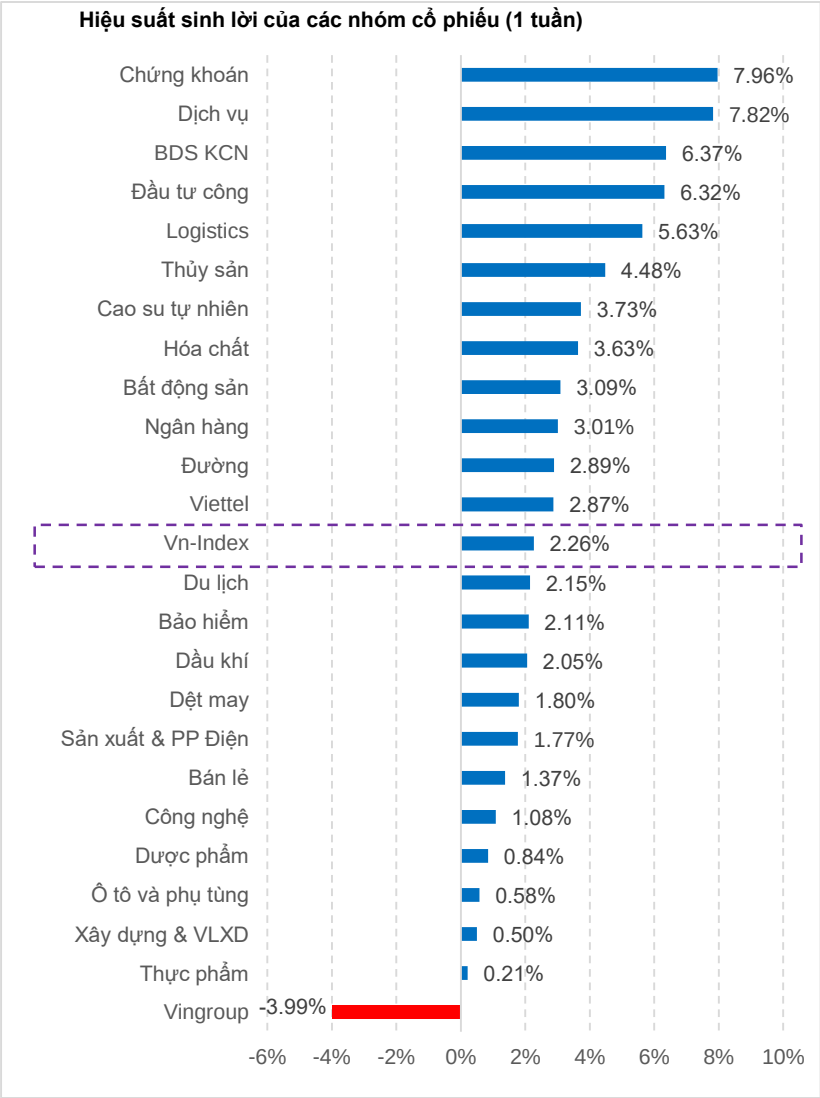
Nhóm cổ phiếu chứng khoán, Vingroup, Xây dựng và VLXD được hưởng lợi từ dòng vốn ngoại



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Hiệu suất các nhóm cổ phiếu (1 tuần, 1 tháng và từ đầu năm)



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Hiệu suất của Top 30 cổ phiếu có thanh khoản bình quân lớn nhất thị trường

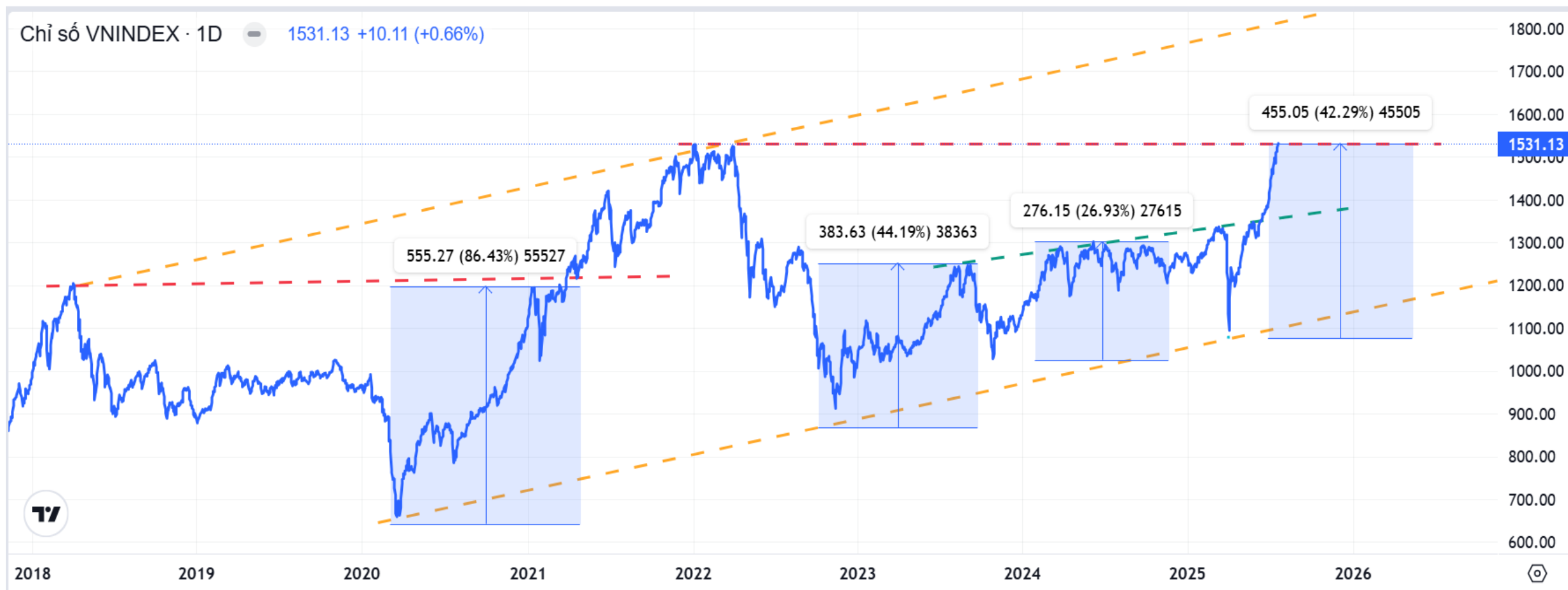
STT	MCK	Giá đóng cửa (25/07)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)	Thanh khoản bình quân (Tỷ VND)
	VNINDEX	1531.13	2.3	12.0	20.9	
1	SSI	34.00	6.9	38.8	30.5	1,722
2	VPB	24.05	12.7	30.7	28.7	1,341
3	HPG	26.05	0.6	15.0	17.4	1,223
4	VIX	24.05	27.6	87.2	156.9	1,180
5	SHB	15.05	6.0	15.3	69.1	1,177
6	VND	21.15	14.0	24.8	73.2	882
7	TCB	35.20	-2.9	4.1	42.8	818
8	HDB	28.25	15.8	29.6	10.8	803
9	SHS	18.60	10.7	44.2	71.7	758
10	VCI	43.05	3.2	20.1	30.6	754
11	MSN	75.80	-4.2	7.8	8.3	745
12	GEX	53.50	26.2	42.7	199.7	727
13	FPT	110.70	1.0	8.7	-15.8	685
14	MBB	28.45	4.6	11.1	30.5	660
15	VSC	22.95	27.9	44.8	86.2	651

STT	MCK	Giá đóng cửa (25/07)	1 Tuần (%)	1 Tháng (%)	Kể từ đầu năm (%)	Thanh khoản bình quân (Tỷ VND)
16	DIG	21.80	6.1	26.4	22.2	614
17	CEO	22.90	1.3	27.9	73.5	558
18	EIB	27.70	10.1	18.6	43.5	539
19	STB	48.80	-2.8	4.3	32.3	524
20	DBC	35.85	6.4	13.5	29.2	524
21	MWG	70.10	0.6	9.4	16.6	502
22	DXG	19.90	2.3	19.2	55.9	491
23	VNM	63.20	5.0	11.3	3.2	473
24	VIC	114.10	-4.1	19.1	181.4	471
25	VHM	93.70	-2.4	20.3	134.3	462
26	HCM	25.75	3.2	22.9	13.3	458
27	NVL	17.10	0.9	14.8	66.8	442
28	VCG	25.70	10.1	19.3	58.5	431
29	HAH	74.30	6.1	11.7	50.1	404
30	TPB	15.60	3.3	16.4	0.5	399

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC

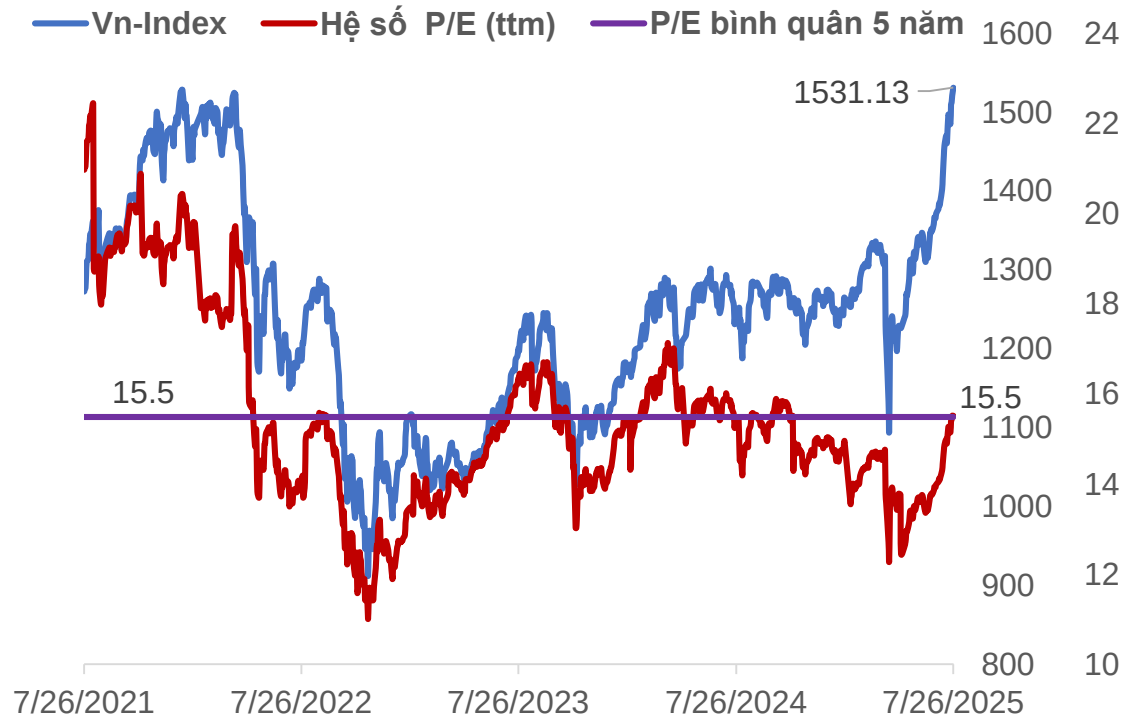


Chỉ số Vn-Index đang có mức tăng tốt nhất kể từ thời covid, kể từ mức đáy tháng 4/2025 chỉ số này đã tăng gần 455 điểm (+42%) và chỉ còn cách đỉnh lịch sử 5 điểm (1.536,45 điểm). Các vùng cản 1.550; 1.600, 1.620 điểm sẽ là thử thách đối với thị trường trong ngắn hạn



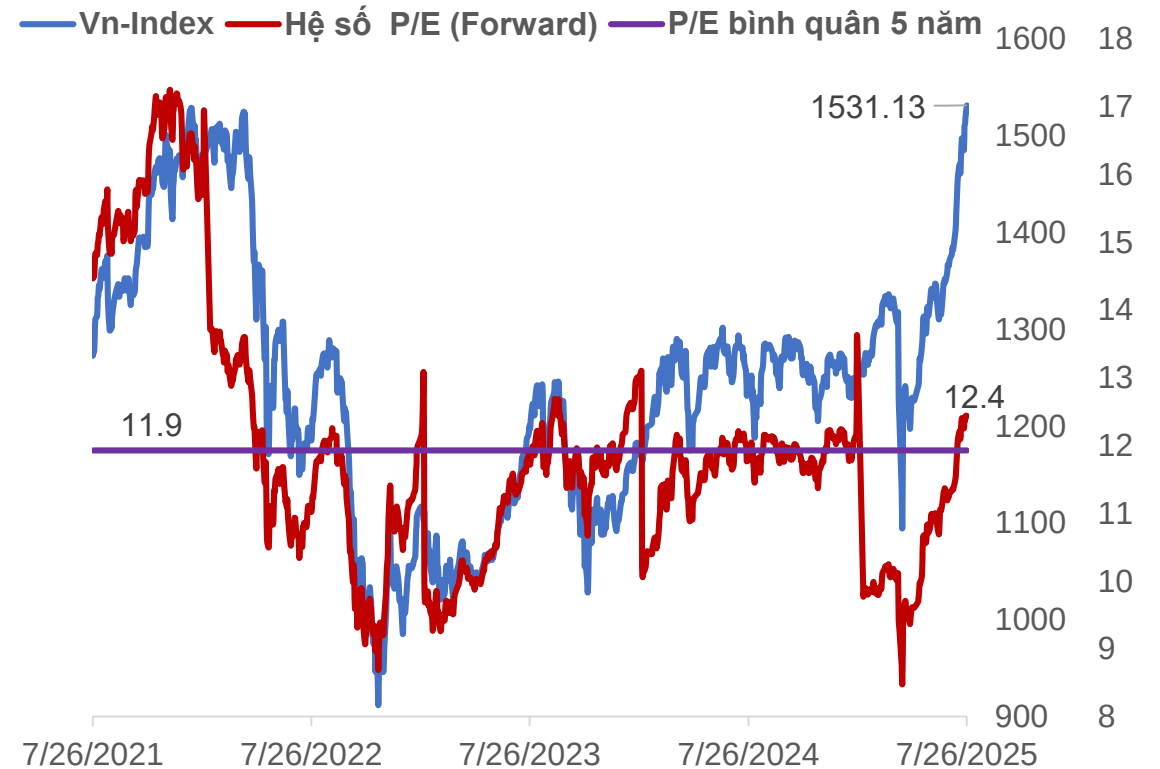
Định giá thị trường: Hệ số P/E trong vòng 5 năm qua (ttm, forward, lần)

Hệ số P/E TTM trong vòng 5 năm qua (lần)



Nguồn: MBS, Bloomberg

Hệ số P/E forward trong vòng 5 năm qua (lần)



Nguồn: MBS, Bloomberg

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC



Nhận định thị trường: Xác suất thị trường tăng điểm trong tháng 7 là khá cao, 3 năm gần nhất thị trường đều tăng điểm

	Jan	Feb	Mar	Apr	May	Jun	Jul	Aug	Sep	Oct	Nov	Dec
10 Yr Avg	2.47	1.98	-1.51	.18	1.88	.65	1.29	1.79	-.54	-1.13	2.28	1.19
2025	-.14	3.19	.11	-6.16	8.67	3.26	11.27					
2024	3.04	7.59	2.50	-5.81	4.32	-1.30	.50	2.59	.32	-1.82	-1.11	1.31
2023	10.34	-7.78	3.90	-1.46	2.48	4.19	9.17	.09	-5.71	-10.91	6.41	3.27
2022	-1.29	.76	.14	-8.40	-5.42	-7.36	.73	6.15	-11.59	-9.20	1.99	-3.94
2021	-4.28	10.59	1.97	4.02	7.15	6.06	-6.99	1.64	.80	7.62	2.37	1.34
2020	-2.54	-5.81	-24.90	16.09	12.40	-4.55	-3.24	10.43	2.67	2.24	8.39	10.05
2019	2.03	6.02	1.58	-.11	-2.02	-1.04	4.39	-.77	1.27	.23	-2.81	-1.01
2018	12.81	1.01	4.72	-10.58	-7.52	-1.08	-.46	3.47	2.79	-10.06	1.29	-3.67
2017	4.87	1.94	1.62	-.63	2.80	5.24	.91	-.10	2.77	4.08	13.45	3.61
2016	-5.83	2.59	.33	6.62	3.35	2.23	3.16	3.43	1.65	-1.45	-1.59	-.03
2015	5.58	2.86	-6.99	2.04	1.27	4.12	4.72	-9.07	-.37	7.95	-5.63	1.02

Nguồn: Bloomberg

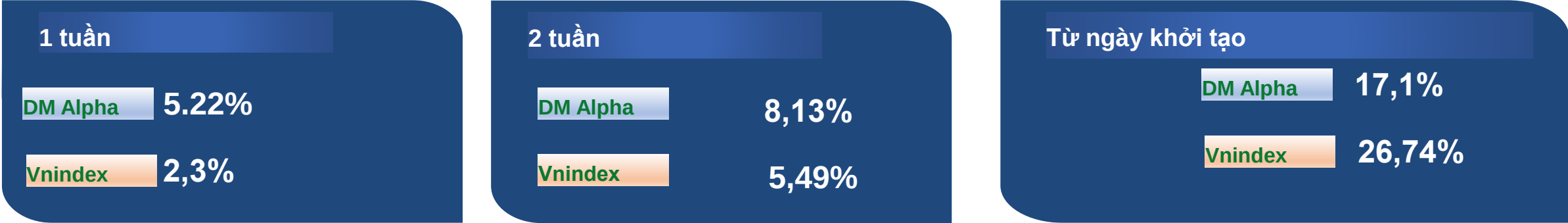
👉 Ưu điểm vượt trội:

- (1) Tự động gợi ý các mã cổ phiếu chất lượng.
- (2) Tự động cập nhật điểm mua cổ phiếu theo thời gian thực (real-time) khi mã cổ phiếu biến động vào vùng giá khuyến nghị.
- (4) Hỗ trợ luồng đặt lệnh siêu tốc dành cho khách hàng.
- (5) Hoàn toàn miễn phí sử dụng.

👉 Luận điểm:

- (1) Cổ phiếu nổi bật có câu chuyện ảnh hưởng tích cực đến tình hình kinh doanh của ngành, có kết quả kinh doanh được dự báo tăng trưởng trong tương lai, và được Khối Nghiên cứu đánh giá lạc quan.
- (2) Danh sách các cổ phiếu khuyến nghị của khối nghiên cứu có Upside ≥ 1 .
- (3) Cổ phiếu thuộc 200 công ty có vốn hóa lớn nhất trên cả 3 sàn HOSE, HNX và UPCOM.
- (4) Khối lượng giao dịch Trung bình 30 phiên của cổ phiếu lớn hơn 500,000 cổ phiếu/ngày.

Thống kê hiệu quả Danh mục Alpha
 Danh mục đầu tư hàng đầu từ chuyên gia Nghiên cứu MBS



Danh mục nắm giữ hiện tại

Danh mục Alpha bắt đầu khởi tạo ngày 08/08/2024
 Hiệu suất Vnindex tính từ 8/8/2024

STT	Mã	Giá khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá Mục tiêu	Giá cắt lỗ	% Lãi dự kiến	% Lỗ dự kiến	Số phiên nắm giữ (Cho đến hiện tại)	Ngày hiện tại	Giá hiện tại	Lãi lỗ tạm tính
1	MWG	59,000	5/8/2025	78,000	56,500	32.20%	-4.24%	55	7/25/2025	70,100	18.81%
2	FPT	98,000	5/8/2025	130,000	95,000	32.65%	-3.06%	55	7/25/2025	110,700	12.96%
3	FRT	134,000	5/5/2025	164,000	125,000	22.39%	-6.72%	57	7/25/2025	158,000	17.91%
4	SIP	60,000	7/7/2025	82,000	58,000	36.67%	-3.33%	12	7/25/2025	67,700	12.83%
5	ACB	22,400	7/16/2025	28,000	21,500	25.00%	-4.02%	5	7/25/2025	23,600	5.36%

MWG	Năm 2025, chúng tôi kỳ vọng lợi nhuận ròng MWG đạt 5,180 tỷ đồng (+ 39% svck) với động lực chính từ sự phục hồi nhu cầu tiêu thụ của chuỗi TGDD&DMX và sự mở rộng khu vực mới của BHX, cụ thể: (1) Năm 2024, hầu hết các mảng kinh doanh chủ lực của ICT-CE đều ghi nhận tăng trưởng 2 chữ số sv mức nền thấp cùng kỳ. 2 tháng đầu năm 2025, doanh thu ICT-CE ghi nhận mức tăng trưởng 2 chữ số và có sự hỗ trợ tốt của cầu tiêu thụ trong nước. Tiếp tục xu hướng phục hồi, mảng bán lẻ điện tử tiêu dùng (TGDD&DMX) kỳ vọng lợi nhuận tăng trưởng 28% sv mức nền thấp năm 2023 với số lượng cửa hàng ước tính đi ngang svck, doanh thu/cửa hàng tăng 16% svck và ghi nhận khoảng 2.7 tỷ đồng/tháng - tương đương giai đoạn năm 2022.
FPT	Doanh thu 2T25 tăng 16% svck, thấp hơn kỳ vọng chủ yếu do doanh thu CNTT khu vực châu Mỹ tăng trưởng chậm. Tuy nhiên, LNTT 2T25 tăng 21% svck hỗ trợ bởi biên LN cải thiện mạnh mẽ, phù hợp với dự phóng. Ở mức giá chiết khấu hấp dẫn, FPT là lựa chọn hàng đầu nhờ LN bền vững (20.6% CAGR 2025-27) trong bối cảnh triển vọng kinh tế có nhiều biến động. Duy trì khuyến nghị Khả quan với giá mục tiêu 146,700 đ
FRT	Long Châu tiếp tục là điểm sáng của FRT với vị thế dẫn đầu thị trường bán lẻ dược phẩm, chuỗi nhà thuốc tiếp tục mở rộng về quy mô và tối ưu hiệu quả chi phí giai đoạn 2025-26. Chúng tôi ước tính LN ròng năm 2025-26 tăng 111%/36% svck và đạt 670/939 tỷ đồng với động lực chính từ Long Châu. Chúng tôi đưa ra khuyến nghị KHẢ QUAN với giá cổ phiếu 202,400 đồng/cp.
SIP	SIP sở hữu quỹ đất KCN lớn: Công ty đang quản lý 5 KCN (Phước Đông, Đông Nam, Lê Minh Xuân 3, Lộc An – Bình Sơn và dự án Long Đức GD2 mới được phê duyệt vào đầu năm nay), tổng diện tích thương phẩm còn lại là hơn 1,100 ha. Ngoài ra, công ty sở hữu các dự án dân cư trong KCN như KDC Đông Nam (56 ha), KDC Lê Minh Xuân 3 (80 ha) và KDC Lộc An – Bình Sơn (40 ha). KQKD Q1/25 của SIP tăng trưởng tốt với doanh thu đạt 1,941 tỷ đồng (+6.3% svck), lợi nhuận gộp đạt 320 tỷ đồng (+17.5% svck). Doanh thu tài chính tăng gấp 3.5 lần cùng kỳ nhờ thoái vốn cổ phần tại NTC. Qua đó, lợi nhuận ròng đạt 351 tỷ đồng (+42.9% svck). Tình hình tài chính lành mạnh với tiền mặt ròng lớn đạt hơn 3,400 tỷ đồng, tỷ lệ nợ vay/VCSH và nợ vay/tổng tài sản lần lượt đạt 0.78 và 0.16. Doanh thu chưa thực hiện tăng 300 tỷ đồng so với đầu năm lên 12,400 tỷ đồng đảm bảo lợi nhuận dài hạn cho công ty. Chúng tôi kỳ vọng kết quả đàm phán thương mại giữa Việt Nam – Mỹ đem lại kết quả tích cực, nhờ đó Việt Nam tiếp tục là điểm đến cho dòng vốn FDI. Giá mục tiêu là 90,000 đồng/CP, upside 22% so với giá đóng cửa ngày 02/07/2025.
ACB	Chúng tôi giữ nguyên mức P/B mục tiêu ở mức 1.3x nhờ ROE vẫn duy trì vượt 20%, qua đó hàm ý rằng mức P/B hiện tại ở mức 1.1x đang rất hấp dẫn cho đầu tư dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (MBS)

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) với tên gọi tiền thân là Công ty CP chứng khoán Thăng Long, Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 6 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, liên tục đứng trong Top 10 thị phần tại cả hai Sở Giao dịch (Hồ Chí Minh và Hà Nội).

Địa chỉ:

Tòa nhà MB, 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

Tel: + 8424 7304 5688 - Fax: +8424 3726 2601

Website: www.mbs.com.vn

KHỐI NGHIÊN CỨU CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB

Giám đốc Khối Nghiên cứu

Trần Thị Khánh Hiền

Trưởng phòng

Nguyễn Tiến Dũng

Vĩ mô & Chiến lược thị trường

Ngô Quốc Hưng

Nghiêm Phú Cường

Đinh Hà Anh

Võ Đức Anh

Ngân hàng – Dịch vụ Tài chính

Đinh Công Luyện

Bất động sản

Nguyễn Minh Đức

Lê Hải Thành

Dịch vụ - Tiêu dùng

Nguyễn Quỳnh Ly

Công nghiệp – Năng Lượng

Phạm Thị Thanh Huyền

Nguyễn Hà Đức Tùng